

**BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN DỰ THI**  
**Học kỳ 2 Năm học 2024 - 2025**  
**Môn thi: Chuẩn đầu ra tiếng Anh B1**

MMH:(GENG4001)

Ngày thi: 09/03/2025

| STT | MSSV       | Họ và tên              |     | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|------------------------|-----|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 1   | 2051050001 | Đỗ Văn An              | An  | 3.0  | 4.5 | 4.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 2   | 1756022001 | Nguyễn Thái An         | An  | 2.5  | 7.0 | 2.0 | 2.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 3   | 1751040002 | Nguyễn Thúy An         | An  | 2.5  | 2.0 | 2.5 | 1.5  | 2    | Không đạt |          |
| 4   | 2051012002 | Nguyễn Văn An          | An  | 5.0  | 3.5 | 5.5 | 2.5  | 4    | Đạt       |          |
| 5   | 2154010008 | Phạm Thị Vân An        | An  | 2.0  | 4.5 | 4.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 6   | 2151050004 | Phan Quý An            | An  |      | 6.5 |     |      |      | Không đạt |          |
| 7   | 2153023002 | Trần Ngọc Thiên An     | An  | 4.5  | 6.0 | 5.5 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 8   | 2154080007 | Trần Thị Hoài An       | An  | 6.5  | 9.0 | 7.0 | 4.5  | 7    | Đạt       |          |
| 9   | 2051052002 | Trịnh Quốc An          | An  | 3.0  |     | 2.5 | 6.0  |      | Không đạt |          |
| 10  | 2154070010 | Đinh Thị Tú Anh        | Anh | 6.5  | 5.0 | 5.0 | 2.5  | 5    | Đạt       |          |
| 11  | 2053012002 | Hồ Nguyễn Gia Anh      | Anh | 2.0  | 6.5 | 4.5 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 12  | 2154070011 | Huỳnh Thị Trâm Anh     | Anh | 2.5  | 3.5 | 3.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 13  | 2254082003 | Lê Nguyễn Trâm Anh     | Anh | 5.5  | 2.5 | 7.0 | 6.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 14  | 2254072005 | Lê Phương Anh          | Anh | 3.5  | 2.5 | 3.5 | 1.5  | 3    | Không đạt |          |
| 15  | 2254062008 | Lê Phương Anh          | Anh |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 16  | 2154020007 | Lê Quỳnh Anh           | Anh | 3.0  | 7.0 | 3.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 17  | 2154020008 | Lê Thị Vân Anh         | Anh | 2.5  | 8.0 | 6.5 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 18  | 2156013003 | Lê Thị Vân Anh         | Anh | 4.5  | 7.0 | 5.0 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 19  | 2254022001 | Lương Quế Anh          | Anh | 5.5  | 7.0 | 7.0 | 4.5  | 6    | Đạt       |          |
| 20  | 2154040014 | Ngô Thị Trúc Anh       | Anh | 1.5  | 3.0 | 3.5 | 4.0  | 3    | Không đạt |          |
| 21  | 2054060014 | Nguyễn Hoàng Thúy Anh  | Anh | 2.5  | 8.5 | 3.0 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 22  | 2153023008 | Nguyễn Huỳnh Triệu Anh | Anh | 2.0  | 7.0 | 3.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 23  | 2154020013 | Nguyễn Lê Quỳnh Anh    | Anh | 1.0  | 8.0 | 6.0 | 6.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 24  | 1954022005 | Nguyễn Minh Anh        | Anh | 3.0  | 3.5 | 4.0 | 7.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 25  | 2254012011 | Nguyễn Ngọc Phương Anh | Anh | 4.5  | 6.0 | 6.5 | 6.0  | 6    | Đạt       |          |
| 26  | 2354070004 | Nguyễn Thị Trâm Anh    | Anh | 5.0  | 6.5 | 4.0 | 3.5  | 5    | Đạt       |          |
| 27  | 2156023012 | Nguyễn Thị Vân Anh     | Anh | 5.0  | 6.0 | 4.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |          |
| 28  | 2054092002 | Nguyễn Trọng Anh       | Anh | 6.5  | 8.0 | 7.0 | 6.5  | 7    | Đạt       |          |
| 29  | 2156013006 | Nguyễn Võ Phương Anh   | Anh | 3.0  | 3.0 | 3.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 30  | 2051050013 | Phạm Quốc Anh          | Anh | 3.0  | 2.5 | 4.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 31  | 2153023010 | Phạm Thị Lan Anh       | Anh | 2.5  | 3.0 | 3.0 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 32  | 2154103003 | Phan Đoàn Tú Anh       | Anh | 6.0  | 4.5 | 4.5 | 2.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 33  | 2155010017 | Phan Thị Ngọc Anh      | Anh | 6.0  | 8.0 | 6.5 | 5.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 34  | 2051020007 | Phan Thùy Trâm Anh     | Anh | 2.5  | 3.5 | 3.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên         |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú    |
|-----|------------|-------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|------------|
| 35  | 2151043008 | Tạ Như            | Anh   | 4.0  | 5.5 | 5.0 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |            |
| 36  | 2154133003 | Thái Văn          | Anh   | 5.0  | 8.0 | 7.0 | 6.5  | 6.5  | Đạt       |            |
| 37  | 2154100009 | Trần Kiều         | Anh   | 3.0  | 4.5 | 3.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 38  | 2154090009 | Trần Thị Ngọc     | Anh   | 3.0  | 5.5 | 5.5 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |            |
| 39  | 2251040005 | Trịnh Tuấn        | Anh   | 3.0  | 7.5 | 5.0 | 4.0  | 5    | Đạt       |            |
| 40  | 2156023017 | Trương Nguyễn Mai | Anh   | 5.0  | 4.0 | 6.5 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |            |
| 41  | 2354060013 | Võ Thị Phương     | Anh   | 6.0  | 5.5 | 6.0 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |            |
| 42  | 2154020022 | Vũ Lan            | Anh   | 3.5  | 7.0 | 4.0 | 4.5  | 5    | Đạt       |            |
| 43  | 2154090011 | Vũ Minh           | Anh   | 4.0  | 5.0 | 5.0 | 5.5  | 5    | Đạt       |            |
| 44  | 2154133005 | Vũ Thị Lan        | Anh   | 5.5  | 6.0 | 7.0 | 4.5  | 6    | Đạt       |            |
| 45  | 2153023014 | Hán Trần Thị Ngọc | Ánh   | 3.0  | 5.0 | 6.0 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 46  | 2054132003 | Lê Ngọc           | Ánh   | 3.0  | 3.5 | 3.5 | 5.0  | 4    | Đạt       |            |
| 47  | 2154040032 | Lê Thị Hồng       | Ánh   | 3.0  | 2.0 | 3.5 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |            |
| 48  | 2154110025 | Nguyễn Phương     | Ánh   | 4.0  | 7.0 | 4.0 | 4.0  | 5    | Đạt       |            |
| 49  | 2153010026 | Nguyễn Thị Ngọc   | Ánh   | 3.5  | 3.5 | 5.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |            |
| 50  | 2153013014 | Nguyễn Vy Ngọc    | Ánh   | 2.5  | 2.0 | 2.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |            |
| 51  | 2154050021 | Phạm Thị          | Ánh   | 3.5  | 1.0 | 4.0 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |            |
| 52  | 2156013009 | Phạm Thị Ngọc     | Ánh   | 4.0  | 3.5 | 9.0 | 4.0  | 5    | Đạt       |            |
| 53  | 2254062013 | Phan Thị Minh     | Ánh   | 3.5  | 5.0 | 3.5 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 54  | 2054052006 | Võ Dương Ngọc     | Ánh   | 3.0  | 4.5 | 3.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |            |
| 55  | 2156023021 | Ngô Hoài          | Ảnh   | 3.5  | 4.5 | 3.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 56  | 2154130006 | Phạm Phương       | Ảnh   | 4.5  | 4.5 | 4.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |            |
| 57  | 1951012004 | Bùi Hữu Thiên     | Ân    | 5.0  | 4.0 | 5.0 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 58  | 2153013015 | Lê Thiên          | Ân    | 3.0  | 2.0 | 2.0 | 3.5  | 2.5  | Không đạt |            |
| 59  | 1851010010 | Phạm Thị Hồng     | Ân    | 3.0  | 6.0 | 5.5 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |            |
| 60  | 2254012024 | Bùi Quốc          | Bảo   | 5.0  | 4.5 | 5.0 | 2.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 61  | 2154040041 | Nguyễn Tuấn       | Bảo   | 3.5  | 2.0 | 4.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 62  | 2153013020 | Cù Thị Ngọc       | Bích  | 2.0  | 1.5 | 4.5 | 5.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 63  | 2151043015 | Nguyễn Quốc       | Bình  | 2.5  | 5.0 | 3.0 | 1.0  | 3    | Không đạt |            |
| 64  | 2154070032 | Nguyễn Thanh      | Bình  | 3.0  | 5.0 | 4.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |            |
| 65  | 2054022009 | Nguyễn Thế        | Bình  |      |     |     |      |      |           | Vi phạm QC |
| 66  | 2054132005 | Phan Văn          | Bình  | 4.5  | 2.0 | 3.5 | 1.5  | 3    | Không đạt |            |
| 67  | 2154030069 | Huỳnh Thị Mộng    | Câm   | 2.5  | 3.0 | 3.5 | 5.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 68  | 2055012006 | Nguyễn Thị Ngọc   | Cầm   | 3.0  | 4.0 | 4.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |            |
| 69  | 2154080059 | Lê Thị Thanh      | Cúc   | 3.5  | 5.0 | 3.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 70  | 2054062026 | Trần Thị Kim      | Cúc   | 2.0  | 4.0 | 4.0 | 5.0  | 4    | Đạt       |            |
| 71  | 2051042015 | Nguyễn Mạnh       | Cường |      |     |     |      |      |           | Vắng thi   |
| 72  | 2251042018 | Nguyễn Mạnh       | Cường | 3.5  | 2.0 | 1.5 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |            |
| 73  | 2154010090 | Bạch Thị Ngọc     | Châu  | 3.5  | 5.0 | 4.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 74  | 2254082011 | Hà Giang          | Châu  | 7.0  | 7.5 | 7.5 | 7.5  | 7.5  | Đạt       |            |

| STT | MSSV       | Họ và tên          |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|--------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 75  | 2254090001 | Lưu Thị Huyền      | Châu  | 5.0  | 3.5 | 3.0 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 76  | 2055010032 | Nguyễn Thị Ngọc    | Châu  | 3.5  | 1.5 | 4.0 | 3.5  | 3    | Không đạt |          |
| 77  | 2154020036 | Quảng Trương Hoàng | Châu  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 78  | 2254062025 | Trần Huyền Bảo     | Châu  | 4.5  | 7.0 | 7.5 | 7.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 79  | 2154080052 | Trần Thị Trúc      | Chi   | 4.0  | 7.0 | 8.5 | 5.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 80  | 2154070041 | Võ Thị Kim         | Chi   | 4.5  | 3.0 | 4.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 81  | 2051010032 | Lê Văn             | Chiến | 3.5  | 4.0 | 4.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 82  | 2154050036 | Lê Kiều            | Chinh | 4.5  | 6.5 | 6.5 | 4.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 83  | 2054072016 | Nguyễn Văn         | Chung | 3.5  | 3.0 | 3.5 | 1.0  | 3    | Không đạt |          |
| 84  | 2151050047 | Lê Thanh           | Danh  | 1.5  | 4.0 | 5.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 85  | 2056010038 | Nguyễn Lê Quỳnh    | Dao   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 86  | 2054042029 | Huỳnh Thị Xuân     | Diễm  | 2.5  | 5.5 | 5.0 | 1.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 87  | 1954022028 | Nguyễn Thị         | Diễm  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 88  | 2054060054 | Nguyễn Thị Thanh   | Diễm  | 1.5  | 4.0 | 6.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 89  | 2154020045 | Trần Thị Thúy      | Diễm  | 1.5  | 8.0 | 4.0 | 6.5  | 5    | Đạt       |          |
| 90  | 2153020033 | Phan Doanh         | Doanh | 4.5  | 4.5 | 4.5 | 2.0  | 4    | Đạt       |          |
| 91  | 2153013031 | Lê Thị Kim         | Dung  | 3.5  | 2.0 | 3.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 92  | 2254032039 | Nguyễn Thị Thanh   | Dung  | 5.5  | 8.5 | 8.0 | 7.0  | 7.5  | Đạt       |          |
| 93  | 2154030103 | Nguyễn Thị Thùy    | Dung  | 4.5  | 3.5 | 3.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 94  | 2154060104 | Trần Thị Mỹ        | Dung  | 3.0  | 5.5 | 4.0 | 6.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 95  | 2053010093 | Trần Thị Thùy      | Dung  | 2.0  | 3.0 | 3.5 | 3.5  | 3    | Không đạt |          |
| 96  | 2051022020 | Dương Tiến         | Dũng  | 3.0  | 4.5 | 3.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 97  | 2051012015 | Đậu Đình           | Dũng  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 98  | 2154133009 | Dương Lê Khánh     | Duy   | 5.0  | 5.5 | 6.0 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 99  | 2151043020 | Đỗ Hoàng           | Duy   | 3.5  | 3.0 | 3.5 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 100 | 2054052012 | Nguyễn Tường       | Duy   | 3.0  | 6.0 | 5.0 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 101 | 2154040074 | Nguyễn Thị Thúy    | Duy   | 2.5  | 2.0 | 5.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 102 | 2153023023 | Phạm Thành         | Duy   | 4.5  | 4.0 | 3.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 103 | 2253022024 | Vũ Phạm Đình       | Duy   | 5.0  | 6.5 | 4.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |          |
| 104 | 2154060107 | Dương Kim          | Duyên | 4.5  | 2.5 | 3.0 | 2.0  | 3    | Không đạt |          |
| 105 | 2251050021 | Đỗ Thảo            | Duyên | 6.5  | 8.0 | 8.0 | 7.0  | 7.5  | Đạt       |          |
| 106 | 2154010141 | Đỗ Thị Khắc        | Duyên | 2.5  | 4.0 | 4.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 107 | 2154100028 | Lê Nguyễn Kỳ       | Duyên | 3.0  | 6.0 | 5.0 | 2.5  | 4    | Đạt       |          |
| 108 | 2254032042 | Nguyễn Nữ Mỹ       | Duyên |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 109 | 2154020053 | Phạm Thị           | Duyên | 1.5  | 4.5 | 4.5 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 110 | 2154020054 | Trần Thị Kim       | Duyên | 3.0  | 4.5 | 3.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 111 | 2154080084 | Trần Thị Mỹ        | Duyên | 5.5  | 7.5 | 8.0 | 3.5  | 6    | Đạt       |          |
| 112 | 2254030019 | Võ Thị Kỳ          | Duyên | 2.5  | 3.5 | 5.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 113 | 2254070004 | Nguyễn Thùy        | Dương | 4.5  | 2.5 | 3.0 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 114 | 2354100014 | Thái Bình Ánh      | Dương |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |

| STT | MSSV       | Họ và tên          |       | Nghe | Nói | Đọc  | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|--------------------|-------|------|-----|------|------|------|-----------|----------|
| 115 | 2154010161 | Trần Hoàng         | Dương | 6.0  | 5.0 | 5.0  | 4.5  | 5    | Đạt       |          |
| 116 | 2254072011 | Bùi Ngọc Phi       | Đại   | 2.5  | 2.0 | 3.5  | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 117 | 2156013022 | Nguyễn Thị Anh     | Đào   | 5.0  | 4.5 | 4.5  | 6.0  | 5    | Đạt       |          |
| 118 | 2151043028 | Bùi Thành          | Đạt   | 1.5  | 1.0 | 3.0  | 2.5  | 2    | Không đạt |          |
| 119 | 2051052025 | Dương Gia Đức      | Đạt   | 3.0  | 5.5 | 3.5  | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 120 | 1951022013 | Đỗ Lê Thành        | Đạt   |      | 2.5 |      |      |      | Không đạt |          |
| 121 | 2254142004 | Đường Tiến         | Đạt   | 4.5  | 7.0 | 5.5  | 6.0  | 6    | Đạt       |          |
| 122 | 2254012043 | Nguyễn Tấn         | Đạt   | 5.0  | 4.0 | 4.0  | 6.0  | 5    | Đạt       |          |
| 123 | 1851020024 | Nguyễn Truyền Tiến | Đạt   | 3.0  | 3.5 | 3.5  | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 124 | 2051022025 | Trần Quốc          | Đạt   | 3.5  | 4.0 | 3.0  | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 125 | 2254072014 | Trương Tấn         | Đạt   | 8.5  | 8.0 | 8.5  | 6.5  | 8    | Đạt       |          |
| 126 | 2051022026 | Huỳnh Thái Thiên   | Đăng  | 2.5  | 3.0 | 2.5  | 4.0  | 3    | Không đạt |          |
| 127 | 2153023024 | Lâm Thái           | Đăng  | 5.5  | 7.0 | 8.0  | 4.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 128 | 2351010045 | Nguyễn Nhật        | Đăng  | 8.5  | 6.5 | 10.0 | 5.5  | 7.5  | Đạt       |          |
| 129 | 2051022027 | Ngô Công           | Đến   | 3.0  | 2.0 | 3.0  | 1.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 130 | 2155013019 | Lê Khắc            | Định  | 4.5  | 5.5 | 3.5  | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 131 | 2255010010 | Lê Ngọc Khánh      | Đoan  | 5.0  | 4.5 | 6.0  | 6.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 132 | 2254082019 | Nguyễn Ngọc Thục   | Đoan  | 5.5  | 5.0 | 5.5  | 7.0  | 6    | Đạt       |          |
| 133 | 2054050046 | Đồng Hữu           | Đức   |      |     |      |      |      |           | Vắng thi |
| 134 | 2054062052 | Nguyễn Tuấn        | Đức   | 2.5  | 4.0 | 4.5  | 1.5  | 3    | Không đạt |          |
| 135 | 2151043036 | Nguyễn Trần Anh    | Đức   | 3.0  | 4.5 | 5.5  | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 136 | 2254062045 | Bùi Thị Thùy       | Giang | 4.0  | 6.5 | 4.5  | 4.5  | 5    | Đạt       |          |
| 137 | 2254022026 | Bùi Thị Trà        | Giang | 3.5  | 2.5 | 3.5  | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 138 | 2254032047 | Phạm Kiều          | Giang | 4.5  | 7.0 | 5.0  | 6.5  | 6    | Đạt       |          |
| 139 | 1955012023 | Nguyễn Kim Ngọc    | Giàu  | 4.0  | 3.0 | 3.5  | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 140 | 2151040027 | Trần Thị Ngọc      | Giàu  | 1.5  | 4.5 | 3.5  | 5.5  | 4    | Đạt       |          |
| 141 | 2154033027 | Hoàng Thị Thu      | Hà    | 5.5  | 6.5 | 8.5  | 4.0  | 6    | Đạt       |          |
| 142 | 2056012038 | Huỳnh Lương Bích   | Hà    | 4.5  | 5.0 | 5.0  | 3.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 143 | 2053012024 | Lê Thị             | Hà    | 3.5  | 5.0 | 4.0  | 2.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 144 | 2155013021 | Nguyễn Khánh       | Hà    | 7.5  | 7.0 | 7.0  | 4.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 145 | 2154010197 | Nguyễn Thị Lệ      | Hà    | 3.5  | 5.0 | 5.5  | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 146 | 2154020084 | Phùng Thị Ngọc     | Hà    | 3.5  | 3.5 | 3.5  | 5.5  | 4    | Đạt       |          |
| 147 | 2354090017 | Trần Mỹ            | Hà    | 7.5  | 7.5 | 8.5  | 6.5  | 7.5  | Đạt       |          |
| 148 | 2153023026 | Vũ Lê Nhật         | Hà    | 2.0  | 6.5 | 4.0  | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 149 | 2155013022 | Nguyễn Nguyên      | Hạ    | 6.0  | 8.0 | 8.0  | 7.0  | 7.5  | Đạt       |          |
| 150 | 1851010039 | Nguyễn Hoàng Minh  | Hải   | 5.0  | 9.0 | 5.5  | 7.5  | 7    | Đạt       |          |
| 151 | 2054042070 | Nguyễn Văn         | Hải   | 3.0  | 3.5 | 2.0  | 1.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 152 | 1951022024 | Trần Ngọc          | Hải   | 2.5  | 2.0 | 2.5  | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 153 | 2151050112 | Trịnh Thanh        | Hải   | 4.5  | 6.0 | 6.0  | 8.0  | 6    | Đạt       |          |
| 154 | 2254040029 | Đỗ Thị Thuý        | Hằng  | 3.0  | 5.5 | 4.5  | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên       |      | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|-----------------|------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 155 | 2156010085 | Huỳnh Thị Thúy  | Hằng | 5.5  | 5.5 | 4.5 | 3.5  | 5    | Đạt       |          |
| 156 | 2151043042 | Lê Thị Kim      | Hằng | 2.5  | 5.0 | 5.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 157 | 2154020092 | Lê Thị Thu      | Hằng | 1.5  | 2.5 | 3.0 | 4.5  | 3    | Không đạt |          |
| 158 | 2154090048 | Mai Thị Lệ      | Hằng | 3.0  | 7.0 | 5.5 | 4.0  | 5    | Đạt       |          |
| 159 | 2156023066 | Nguyễn Lê Thúy  | Hằng | 5.0  | 6.5 | 5.5 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 160 | 2254042059 | Nguyễn Mỹ       | Hằng | 5.5  | 8.0 | 6.0 | 4.0  | 6    | Đạt       |          |
| 161 | 2154020096 | Phạm Thị Bích   | Hằng | 2.5  | 1.0 | 3.0 | 4.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 162 | 2154020097 | Phạm Yến        | Hằng |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 163 | 2153023029 | Trần Thu        | Hằng | 3.0  | 3.5 | 4.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 164 | 2054012089 | Vũ Thị Thu      | Hằng |      | 8.0 |     |      |      | Không đạt |          |
| 165 | 2254022034 | Bùi Thị Minh    | Hạnh | 5.0  | 5.5 | 3.5 | 2.0  | 4    | Đạt       |          |
| 166 | 2155010072 | Chè Mỹ          | Hạnh | 2.5  | 2.5 | 3.0 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 167 | 2154080123 | Lê Thị Ngân     | Hạnh | 5.0  | 6.0 | 5.5 | 3.5  | 5    | Đạt       |          |
| 168 | 2151043041 | Ngô Thị Mỹ      | Hạnh | 2.5  | 5.0 | 3.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 169 | 2153023028 | Nguyễn Thị Bích | Hạnh | 2.5  | 5.5 | 4.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 170 | 2054050056 | Phan Thị Mỹ     | Hạnh | 2.0  | 4.5 | 3.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 171 | 2151010090 | Phan Văn        | Hào  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 172 | 2154020086 | Trần Nhật       | Hào  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 173 | 1951022025 | Nguyễn Việt     | Hào  | 2.0  | 3.5 | 3.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 174 | 2054010176 | Võ Thùy         | Hào  | 3.0  | 1.0 | 2.0 | 1.0  | 2    | Không đạt |          |
| 175 | 2254112018 | Huỳnh Trung     | Hậu  | 3.5  | 5.5 | 8.5 | 3.0  | 5    | Đạt       |          |
| 176 | 1951022027 | Lê Văn          | Hậu  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 177 | 2151050122 | Nguyễn Ngọc     | Hậu  | 3.0  | 3.0 | 4.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 178 | 2153023032 | Nguyễn Ngọc Ái  | Hậu  | 3.5  | 4.5 | 4.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 179 | 2151043046 | Phạm Trung      | Hậu  | 4.0  | 4.0 | 4.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 180 | 2151053017 | Trịnh Đoàn      | Hậu  | 3.0  | 5.0 | 3.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 181 | 2154050087 | Dương Thị Ngọc  | Hân  | 4.0  | 4.5 | 4.0 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 182 | 2054050060 | Đặng Gia        | Hân  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 183 | 2154100053 | Đỗ Lê Gia       | Hân  | 3.5  | 3.5 | 4.5 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 184 | 2153023030 | Huỳnh Ngọc      | Hân  | 3.0  | 7.5 | 4.5 | 4.5  | 5    | Đạt       |          |
| 185 | 2154103009 | Lại Ngọc        | Hân  | 5.5  | 7.5 | 5.5 | 2.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 186 | 2154040110 | Lê Bảo          | Hân  | 4.0  | 1.0 | 5.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 187 | 2354090021 | Lê Linh Hí      | Hân  | 8.5  | 8.0 | 8.5 | 5.5  | 7.5  | Đạt       |          |
| 188 | 2154040112 | Nguyễn Mỹ       | Hân  | 3.0  | 3.5 | 2.0 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 189 | 2154070096 | Nguyễn Ngọc     | Hân  | 3.5  | 2.0 | 4.0 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 190 | 2154070097 | Nguyễn Tuyết    | Hân  | 2.5  | 3.0 | 1.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 191 | 2154090051 | Nguyễn Thị Ngọc | Hân  | 4.5  | 7.0 | 5.5 | 4.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 192 | 2154122001 | Phạm Đặng Bảo   | Hân  | 3.5  | 6.5 | 5.5 | 5.0  | 5    | Đạt       |          |
| 193 | 2154070098 | Trương Thị Ngọc | Hân  | 5.5  | 5.0 | 3.5 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 194 | 2156010094 | Trương Trần Gia | Hân  | 8.5  | 7.5 | 8.5 | 6.0  | 7.5  | Đạt       |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên         |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|-------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 195 | 2251012058 | Nguyễn Nhật       | Hiền  | 5.5  | 8.0 | 6.5 | 6.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 196 | 2155013026 | Nguyễn Thị Thu    | Hiền  | 3.0  | 2.0 | 4.0 | 0.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 197 | 2154040120 | Nguyễn Thị Thu    | Hiền  |      | 6.0 |     |      |      | Không đạt |          |
| 198 | 2151050126 | Tổng Thị Thu      | Hiền  | 2.0  | 3.0 | 4.0 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 199 | 2351050045 | Hà Tấn            | Hiệp  | 8.5  | 8.0 | 9.0 | 6.5  | 8    | Đạt       |          |
| 200 | 2151053018 | Dương Trần Ngọc   | Hiếu  | 4.0  | 7.0 | 5.0 | 6.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 201 | 2155010088 | Đường Minh        | Hiếu  | 5.0  | 8.5 | 5.0 | 4.5  | 6    | Đạt       |          |
| 202 | 2154020117 | Lê Kim            | Hiếu  | 3.0  | 4.0 | 4.0 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 203 | 2151050128 | Lê Trung          | Hiếu  | 3.0  | 7.5 | 5.5 | 4.5  | 5    | Đạt       |          |
| 204 | 2153013053 | Nguyễn Trọng      | Hiếu  | 2.0  | 2.0 | 4.0 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 205 | 2151043050 | Nguyễn Trung      | Hiếu  | 1.5  | 2.5 | 3.5 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 206 | 2254010045 | Trần Minh         | Hiếu  | 2.5  | 5.0 | 1.5 | 3.5  | 3    | Không đạt |          |
| 207 | 2056012053 | Trịnh Đức Trung   | Hiếu  | 3.0  | 5.5 | 2.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 208 | 2154030212 | Mạc Thị Như       | Hoa   | 4.0  | 6.0 | 4.5 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 209 | 2054042091 | Huỳnh Thị Mỹ      | Hòa   | 3.0  | 3.0 | 5.5 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 210 | 2151020057 | Nguyễn Phan       | Hòa   | 1.5  | 5.5 | 2.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 211 | 1851050050 | Nguyễn Quốc       | Hòa   |      | 5.0 |     |      |      | Không đạt |          |
| 212 | 2151043054 | Phan Quốc         | Hòa   | 5.0  | 4.0 | 5.0 | 5.5  | 5    | Đạt       |          |
| 213 | 2254032069 | Trần Thái         | Hòa   | 4.5  | 8.5 | 7.0 | 8.5  | 7    | Đạt       |          |
| 214 | 2151043052 | Dư Đăng Xuân      | Hoài  | 3.5  | 4.5 | 5.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 215 | 2254100006 | Ngô Thị           | Hoàng | 4.5  | 2.5 | 5.0 | 1.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 216 | 1954022064 | Nguyễn Cao        | Hoàng | 3.5  | 3.0 | 3.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 217 | 1951042030 | Nguyễn Tấn        | Hoàng | 3.0  | 2.5 | 3.0 | 3.5  | 3    | Không đạt |          |
| 218 | 2151010115 | Nguyễn Thái       | Hoàng | 2.5  | 7.0 | 4.5 | 5.5  | 5    | Đạt       |          |
| 219 | 2154030219 | Nguyễn Trần Thanh | Hoàng | 4.0  | 5.0 | 4.5 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 220 | 2056012062 | Hồ Thị Hoa        | Hồng  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 221 | 2056012061 | Hoàng Thị         | Hồng  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 222 | 2154070112 | Trần Thị Mai      | Hồng  | 4.5  | 5.0 | 3.5 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 223 | 2154070113 | Lê Thị Kim        | Huệ   | 4.5  | 4.5 | 5.0 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 224 | 2251050032 | Nguyễn Thị Cẩm    | Hùng  | 3.5  | 8.0 | 6.0 | 6.0  | 6    | Đạt       |          |
| 225 | 2151053022 | Dương Vĩnh        | Huy   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 226 | 2051010099 | Đinh Tấn          | Huy   | 2.5  | 4.5 | 3.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 227 | 1751020036 | Hồ Tiểu Quang     | Huy   | 1.0  | 2.5 | 2.5 | 4.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 228 | 2056012064 | Huỳnh Nhật        | Huy   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 229 | 1955012042 | Lâm Gia           | Huy   | 2.0  | 3.0 | 4.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 230 | 2151043059 | Lê Phước          | Huy   | 2.5  | 3.0 | 5.5 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 231 | 2254032079 | Lê Văn            | Huy   | 3.5  | 1.0 | 4.0 | 0.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 232 | 2051052057 | Mai Khánh         | Huy   | 4.0  | 6.5 | 5.5 | 7.0  | 6    | Đạt       |          |
| 233 | 2351050056 | Nguyễn Đức        | Huy   | 8.0  | 8.0 | 7.5 | 4.0  | 7    | Đạt       |          |
| 234 | 2051010108 | Nguyễn Hữu        | Huy   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |

| STT | MSSV       | Họ và tên        |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 235 | 2051020067 | Nguyễn Quốc      | Huy   | 3.5  | 2.5 | 2.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 236 | 2154090068 | Nguyễn Trần Nhật | Huy   | 3.5  | 6.5 | 3.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 237 | 2254062068 | Nguyễn Trọng     | Huy   | 2.5  | 2.5 | 3.0 | 4.0  | 3    | Không đạt |          |
| 238 | 2151010137 | Trương Văn       | Huy   | 5.0  | 8.0 | 7.0 | 7.0  | 7    | Đạt       |          |
| 239 | 2151023095 | Võ Thành         | Huy   | 2.5  | 5.0 | 4.0 | 1.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 240 | 2154050117 | Lê Thị Ngọc      | Huyền | 4.0  | 5.0 | 4.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 241 | 2254022047 | Nguyễn Thị Như   | Huyền | 4.0  | 3.5 | 6.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 242 | 2154010284 | Nguyễn Thị Thu   | Huyền | 3.0  | 4.5 | 4.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 243 | 2051010118 | Nguyễn Thị Thu   | Huyền | 1.5  | 4.5 | 4.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 244 | 2054072043 | Nguyễn Thị Thu   | Huyền | 2.0  | 3.5 | 5.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 245 | 2056012068 | Phạm Thị Thương  | Huyền | 3.0  | 4.0 | 3.5 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 246 | 2254032082 | Phan Nguyễn Thu  | Huyền | 5.5  | 8.0 | 9.0 | 6.5  | 7.5  | Đạt       |          |
| 247 | 2051050172 | Tsần Thị Bích    | Huyền | 2.5  | 3.0 | 4.0 | 6.0  | 4    | Đạt       |          |
| 248 | 2254052033 | Võ Thị           | Huyền | 5.0  | 5.5 | 5.0 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 249 | 2154060228 | Võ Thị Như       | Huỳnh | 3.0  | 6.5 | 3.5 | 6.5  | 5    | Đạt       |          |
| 250 | 2151013034 | Nguyễn Quốc      | Hưng  | 4.5  | 5.5 | 5.0 | 7.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 251 | 1951052084 | Nguyễn Thành     | Hưng  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 252 | 2354060075 | Trần Gia         | Hưng  | 7.0  | 8.0 | 6.5 | 4.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 253 | 2253022042 | Trịnh Quang      | Hưng  | 6.5  | 8.0 | 7.0 | 5.5  | 7    | Đạt       |          |
| 254 | 2154020150 | Lâm Tú Quý       | Hường |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 255 | 2254022045 | Lương Trần Thúy  | Hường | 5.5  | 3.5 | 6.0 | 2.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 256 | 2154020151 | Mai Thị Ngọc     | Hường | 3.5  | 3.5 | 4.5 | 6.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 257 | 2054020169 | Bùi Hồng         | Hương |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 258 | 2154010308 | Lê Thị Thu       | Hương | 2.0  | 6.0 | 6.5 | 2.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 259 | 2254032077 | Nguyễn Huỳnh     | Hương | 3.0  | 4.5 | 3.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 260 | 2056012070 | Nguyễn Quỳnh     | Hương | 3.5  | 2.0 | 4.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 261 | 2155013029 | Phạm Xuân        | Hương | 6.5  | 6.5 | 8.0 | 5.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 262 | 2254022046 | Trần Thị Hoài    | Hương | 3.5  | 6.0 | 4.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 263 | 2154050130 | Võ Thị Mai       | Hương | 2.5  | 4.0 | 4.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 264 | 2054052024 | Vũ Thị Lan       | Hương | 1.5  | 3.0 | 3.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 265 | 2254060015 | Nguyễn Phước     | Kiệt  | 9.0  | 7.5 | 8.5 | 5.0  | 7.5  | Đạt       |          |
| 266 | 2151013046 | Nguyễn Tuấn      | Kiệt  | 5.0  | 6.0 | 5.5 | 6.5  | 6    | Đạt       |          |
| 267 | 2151053032 | Nguyễn Văn       | Kiệt  | 4.5  | 2.0 | 2.0 | 3.5  | 3    | Không đạt |          |
| 268 | 2151053033 | Trần Lê Tuấn     | Kiệt  | 7.5  | 7.5 | 9.0 | 6.5  | 7.5  | Đạt       |          |
| 269 | 1951022049 | Võ Văn Anh       | Kiệt  | 3.0  | 2.5 | 3.0 | 4.0  | 3    | Không đạt |          |
| 270 | 2254070007 | Cao Thị Thúy     | Kiều  | 2.5  | 2.5 | 5.5 | 6.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 271 | 2154100086 | Đinh Châu Thúy   | Kiều  |      | 1.0 |     |      |      | Không đạt |          |
| 272 | 2154080206 | Trần Thị Thúy    | Kiều  | 3.0  | 5.5 | 3.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 273 | 2054060214 | Lê Hồng          | Kiên  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 274 | 2155010119 | Nguyễn Lê Trung  | Kiên  | 3.0  | 1.5 | 2.5 | 1.0  | 2    | Không đạt |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên         |        | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|-------------------|--------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 275 | 2054072047 | Nguyễn Trung      | Kiên   |      | 4.5 |     |      |      | Không đạt |          |
| 276 | 2155013032 | Nguyễn Lê Hồng    | Kim    | 8.5  | 8.5 | 9.5 | 4.5  | 8    | Đạt       |          |
| 277 | 2055012035 | Võ Thị Thiên      | Kim    | 2.0  | 3.5 | 2.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 278 | 2254040047 | Lý Hữu            | Kha    | 5.5  | 6.0 | 4.0 | 4.0  | 5    | Đạt       |          |
| 279 | 2051050188 | Dương Hoàng       | Khang  | 2.0  | 4.0 | 6.0 | 2.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 280 | 2051020085 | Dương Phúc        | Khang  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 281 | 1851020051 | Lâm Vĩ            | Khang  | 3.5  | 6.0 | 5.0 | 2.0  | 4    | Đạt       |          |
| 282 | 2054060199 | Nghê Hoàng        | Khang  | 2.5  | 4.5 | 3.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 283 | 2151053027 | Nguyễn Hà Bảo     | Khang  | 5.5  | 6.5 | 7.0 | 6.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 284 | 2151043072 | Nguyễn Minh       | Khang  | 2.5  | 3.0 | 4.5 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 285 | 2153023041 | Nguyễn Quốc       | Khang  | 3.0  | 7.0 | 2.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 286 | 1951042042 | Phạm Nguyên       | Khang  | 4.0  | 3.5 | 4.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 287 | 1851020052 | Trần Nhĩ          | Khang  | 3.5  | 4.0 | 3.5 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 288 | 2051010137 | Võ Đình           | Khang  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 289 | 2254032090 | Thiều Thị Mai     | Khanh  | 5.5  | 8.0 | 6.5 | 4.5  | 6    | Đạt       |          |
| 290 | 2155010117 | Huỳnh Nhựt        | Khiêm  | 3.0  | 3.5 | 2.5 | 2.0  | 3    | Không đạt |          |
| 291 | 2054032169 | Trần Văn          | Khiêm  | 2.0  | 4.5 | 3.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 292 | 2151043074 | Dương Minh        | Khoa   | 4.5  | 8.5 | 4.5 | 7.0  | 6    | Đạt       |          |
| 293 | 2156023092 | Ngô Đăng          | Khoa   | 5.5  | 6.5 | 6.0 | 4.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 294 | 2151050202 | Nguyễn Y          | Khoa   | 2.5  | 7.0 | 6.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |          |
| 295 | 2154030283 | Phạm Anh          | Khoa   | 4.5  | 6.0 | 4.0 | 2.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 296 | 2254140004 | Võ Đỗ Anh         | Khoa   | 6.0  | 4.0 | 4.0 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 297 | 2051050219 | Ngô Anh           | Khôi   | 1.5  | 3.5 | 3.0 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 298 | 2253010034 | Nguyễn Đức Minh   | Khôi   | 3.5  | 7.0 | 5.5 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 299 | 2154020164 | Nguyễn Trọng      | Khôi   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 300 | 2056010103 | Trần Bảo          | Khuyên | 3.0  | 4.5 | 4.0 | 1.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 301 | 2051022059 | Hồ Thanh          | Lam    | 3.0  | 3.0 | 2.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 302 | 2151050220 | Ngô Thanh         | Lam    | 5.5  | 4.5 | 5.5 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 303 | 2055012037 | Nguyễn Quỳnh Trúc | Lam    | 6.5  | 9.0 | 8.0 | 5.5  | 7.5  | Đạt       |          |
| 304 | 2154020175 | Võ Thị Ngọc       | Lan    | 2.5  | 2.0 | 4.0 | 4.0  | 3    | Không đạt |          |
| 305 | 1754070057 | Lê Ngọc           | Lành   | 3.0  | 5.5 | 4.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 306 | 2053012049 | Nguyễn Ngọc Lâm   | Lâm    | 3.0  | 4.5 | 3.5 | 6.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 307 | 2151053034 | Ngô Văn           | Lâu    | 4.5  | 2.0 | 4.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 308 | 2254010061 | Hồ Thị Mỹ         | Lệ     | 4.5  | 4.0 | 4.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 309 | 2253022057 | Nguyễn Thị Hồng   | Lê     | 3.5  | 6.0 | 6.0 | 4.5  | 5    | Đạt       |          |
| 310 | 2154030304 | Thái Thị Huynh    | Lê     | 1.5  | 4.0 | 4.0 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 311 | 2254070009 | Sơn Ngọc Tuyết    | Liểu   | 4.0  | 5.0 | 3.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 312 | 2151023128 | Nguyễn Công       | Liên   | 4.0  | 5.5 | 3.5 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 313 | 2051022060 | Nguyễn Thanh      | Liên   | 3.0  | 3.0 | 4.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 314 | 2151050224 | Trần Nguyễn Minh  | Liên   | 3.5  | 4.5 | 5.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên        |      | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|------------------|------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 315 | 2154080218 | Bùi Thị Mỹ       | Liên | 3.5  | 6.0 | 6.5 | 2.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 316 | 2154053003 | Hoàng Tân Ngọc   | Liên | 4.0  | 3.5 | 2.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 317 | 2154020180 | Nguyễn Thị       | Liên | 1.5  | 1.5 | 3.5 | 3.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 318 | 2254022054 | Nguyễn Thị Mai   | Liên | 5.5  | 6.0 | 6.0 | 4.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 319 | 2254090010 | Nguyễn Thị Phước | Liên | 7.0  | 8.0 | 8.5 | 6.0  | 7.5  | Đạt       |          |
| 320 | 1956012062 | Trần Thị Thùy    | Liên | 2.5  | 2.5 | 4.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 321 | 2154040178 | Võ Thị Mỹ        | Lìn  | 3.0  | 3.0 | 4.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 322 | 2254092021 | Cao Thị Mỹ       | Linh |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 323 | 2253022059 | Hồ Hồng          | Linh | 3.5  | 5.0 | 3.0 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 324 | 2053012050 | Hoàng Thái Thảo  | Linh | 3.0  | 5.5 | 4.5 | 6.0  | 5    | Đạt       |          |
| 325 | 2155010129 | Hoàng Thị Khánh  | Linh | 5.5  | 7.0 | 7.5 | 7.0  | 7    | Đạt       |          |
| 326 | 1954062120 | Lâm Thị Trúc     | Linh | 3.0  | 3.0 | 3.0 | 3.5  | 3    | Không đạt |          |
| 327 | 2154040183 | Lê Hà Mỹ         | Linh | 4.5  | 6.0 | 4.5 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 328 | 2254112035 | Lê Huyền         | Linh | 6.5  | 7.0 | 6.5 | 5.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 329 | 1954032145 | Lê Nguyễn Mỹ     | Linh |      | 2.0 |     |      |      | Không đạt |          |
| 330 | 2156010141 | Lê Trần Giao     | Linh | 3.5  | 3.0 | 4.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 331 | 2155013035 | Nguyễn Gia       | Linh | 4.0  | 5.0 | 4.0 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 332 | 2156010142 | Nguyễn Ngô Trúc  | Linh | 3.5  | 4.5 | 4.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 333 | 2154060295 | Nguyễn Phương    | Linh | 3.5  | 5.5 | 4.5 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 334 | 2254032106 | Nguyễn Thị Mai   | Linh | 7.5  | 8.5 | 8.0 | 7.5  | 8    | Đạt       |          |
| 335 | 2254100010 | Nguyễn Thị Mỹ    | Linh | 4.0  | 4.5 | 4.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 336 | 2156010146 | Phạm Thị Khánh   | Linh | 3.5  | 4.0 | 2.5 | 2.0  | 3    | Không đạt |          |
| 337 | 2254062090 | Phạm Thùy        | Linh | 6.0  | 3.0 | 3.5 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 338 | 2154080234 | Tô Huỳnh         | Linh | 5.0  | 7.5 | 4.5 | 4.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 339 | 2254042095 | Tô Mỹ            | Linh | 5.0  | 5.5 | 8.5 | 6.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 340 | 2055012104 | Trần Mỹ          | Linh | 4.5  | 5.0 | 4.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 341 | 2054042127 | Trần Ngọc Mai    | Linh | 2.5  | 5.0 | 3.5 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 342 | 2254060022 | Trần Tuyết       | Linh | 4.5  | 3.5 | 3.5 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 343 | 2256012037 | Trần Thị Huyền   | Linh | 5.5  | 5.5 | 5.5 | 2.5  | 5    | Đạt       |          |
| 344 | 2154040193 | Trần Thị Mỹ      | Linh | 4.0  | 1.5 | 3.5 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 345 | 2154050159 | Võ Phương        | Linh | 5.0  | 7.0 | 7.0 | 5.5  | 6    | Đạt       |          |
| 346 | 2051012055 | Hồ Văn           | Lĩnh | 3.5  | 3.5 | 4.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 347 | 2153023048 | Lê Thị Kim       | Loan | 2.5  | 4.0 | 5.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 348 | 2151010209 | Huỳnh Hữu        | Lộc  | 6.5  | 7.5 | 6.0 | 6.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 349 | 2153013079 | Võ Tấn           | Lộc  | 4.5  | 7.0 | 5.0 | 6.5  | 6    | Đạt       |          |
| 350 | 2054072054 | Dương Đức        | Lợi  | 3.5  | 4.5 | 3.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 351 | 2254050034 | Nguyễn Trí       | Lợi  | 5.5  | 6.5 | 5.5 | 5.5  | 6    | Đạt       |          |
| 352 | 2154133023 | Tô Hoàng         | Lợi  | 5.0  | 6.5 | 6.5 | 5.5  | 6    | Đạt       |          |
| 353 | 2156010155 | Trần Phi         | Long | 4.5  | 3.0 | 3.5 | 2.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 354 | 2254060023 | Đặng Tuyết       | Lựa  | 4.0  | 4.0 | 3.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên        |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|---------|
| 355 | 2153023051 | Phạm Công        | Luận  |      | 6.5 |     |      |      | Không đạt |         |
| 356 | 2053012059 | Văn Trọng        | Lực   | 1.0  | 3.5 | 3.0 | 3.5  | 3    | Không đạt |         |
| 357 | 2255012030 | Lâm Văn          | Lượng | 8.5  | 8.0 | 8.0 | 4.5  | 7.5  | Đạt       |         |
| 358 | 2151020112 | Lê Văn           | Lượng | 1.5  | 4.0 | 3.0 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |         |
| 359 | 2154070174 | Lê Cẩm           | Ly    | 2.5  | 2.5 | 2.5 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |         |
| 360 | 2253012057 | Mai Nguyễn Khánh | Ly    | 5.5  | 9.0 | 8.0 | 6.0  | 7    | Đạt       |         |
| 361 | 2053010333 | Nguyễn Thị Khánh | Ly    |      | 5.5 |     |      |      | Không đạt |         |
| 362 | 2154030361 | Phan Thị Cẩm     | Ly    | 3.5  | 4.5 | 5.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |         |
| 363 | 2154020207 | Lê Thị Thiên     | Lý    | 2.5  | 1.0 | 2.5 | 1.5  | 2    | Không đạt |         |
| 364 | 2254072041 | Lê Ngọc Hoa      | Mai   | 5.5  | 6.0 | 6.5 | 3.5  | 5.5  | Đạt       |         |
| 365 | 2153013083 | Lương Thị Phương | Mai   | 3.5  | 2.0 | 3.5 | 2.0  | 3    | Không đạt |         |
| 366 | 2156013045 | Lưu Tuyết        | Mai   | 2.5  | 3.0 | 2.5 | 5.0  | 3.5  | Không đạt |         |
| 367 | 2154060319 | Ngô Thị Quỳnh    | Mai   | 4.0  | 5.0 | 3.0 | 1.5  | 3.5  | Không đạt |         |
| 368 | 2253020009 | Nguyễn Minh Xuân | Mai   | 3.0  | 3.0 | 7.0 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |         |
| 369 | 2154020210 | Phạm Như         | Mai   | 3.0  | 3.5 | 3.0 | 8.0  | 4.5  | Đạt       |         |
| 370 | 2253012059 | Trần Ngọc        | Mai   | 5.5  | 7.0 | 8.5 | 3.5  | 6    | Đạt       |         |
| 371 | 2154100104 | Trịnh Tú         | Mai   | 2.5  | 1.5 | 3.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |         |
| 372 | 2155013042 | Võ Thanh         | Mai   | 4.5  | 6.5 | 8.0 | 8.5  | 7    | Đạt       |         |
| 373 | 2154040212 | Võ Thị Hồng      | Mai   | 3.0  | 3.0 | 5.0 | 1.5  | 3    | Không đạt |         |
| 374 | 2254060025 | Võ Thị Tuyết     | Mai   | 3.5  | 5.5 | 4.0 | 2.5  | 4    | Đạt       |         |
| 375 | 2154110181 | Vũ Ngọc          | Mai   | 2.5  | 8.0 | 4.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |         |
| 376 | 2154010473 | Hoàng Thị Linh   | Mãn   | 3.0  | 4.0 | 4.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |         |
| 377 | 2055010150 | Hồng Tiểu        | Mẫn   | 3.5  | 4.0 | 3.5 | 6.5  | 4.5  | Đạt       |         |
| 378 | 1854050054 | Trần Thị         | Mẫn   | 4.5  |     | 4.0 | 4.0  |      | Không đạt |         |
| 379 | 2251052064 | Hồ Thị Yến       | Mi    | 3.5  | 3.0 | 3.0 | 2.0  | 3    | Không đạt |         |
| 380 | 1953012039 | Phạm Thị Kiều    | Mi    | 3.0  | 4.5 | 6.5 | 5.0  | 5    | Đạt       |         |
| 381 | 2254042103 | Trương Thị Kiều  | Mi    | 2.5  | 2.0 | 5.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |         |
| 382 | 2154020216 | Võ Mai Diễm      | Mi    | 3.5  | 3.0 | 5.0 | 5.0  | 4    | Đạt       |         |
| 383 | 2051052080 | Nguyễn Khả       | Minh  | 4.5  | 7.5 | 6.0 | 6.0  | 6    | Đạt       |         |
| 384 | 2254062097 | Nguyễn Phạm Nhật | Minh  | 3.5  | 5.5 | 5.0 | 5.5  | 5    | Đạt       |         |
| 385 | 2154060336 | Nguyễn Tuyết     | Minh  | 3.5  | 2.5 | 3.5 | 2.5  | 3    | Không đạt |         |
| 386 | 2151050258 | Vũ Nhật          | Minh  | 4.5  | 3.5 | 4.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |         |
| 387 | 2154020220 | Nguyễn Thị Hoa   | Mơ    | 3.0  | 2.5 | 4.0 | 6.0  | 4    | Đạt       |         |
| 388 | 2154030391 | Đặng Thảo        | My    | 4.5  | 5.0 | 8.0 | 6.5  | 6    | Đạt       |         |
| 389 | 2154060343 | Đặng Trần Trà    | My    | 3.5  | 2.5 | 3.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |         |
| 390 | 2154020224 | Huỳnh Thị Trà    | My    | 4.0  | 5.5 | 6.0 | 6.5  | 5.5  | Đạt       |         |
| 391 | 2154050177 | Lâm Thị Diễm     | My    | 3.0  | 6.5 | 8.5 | 5.0  | 6    | Đạt       |         |
| 392 | 2254112046 | Lê Trà           | My    | 8.5  | 8.5 | 9.5 | 7.5  | 8.5  | Đạt       |         |
| 393 | 2154020225 | Nguyễn Cao Kiều  | My    | 3.0  | 2.0 | 3.5 | 5.0  | 3.5  | Không đạt |         |
| 394 | 2154070185 | Nguyễn Thị Trà   | My    | 3.0  | 4.0 | 4.0 | 0.5  | 3    | Không đạt |         |

| STT | MSSV       | Họ và tên          |      | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú    |
|-----|------------|--------------------|------|------|-----|-----|------|------|-----------|------------|
| 395 | 2154070184 | Nguyễn Thị Trà     | My   | 2.5  | 2.5 | 5.0 | 2.0  | 3    | Không đạt |            |
| 396 | 2056012100 | Trần Trà           | My   | 1.5  | 5.0 | 4.0 | 4.5  | 4    | Đạt       |            |
| 397 | 2153023055 | Lê Hoàn            | Mỹ   | 2.5  | 6.5 | 4.5 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |            |
| 398 | 2154080274 | Nguyễn Huỳnh Thiện | Mỹ   | 3.5  | 7.0 | 4.0 |      |      | Không đạt | Vi phạm QC |
| 399 | 2154030406 | Trần Thanh         | Mỹ   | 3.5  | 3.0 | 3.5 | 2.5  | 3    | Không đạt |            |
| 400 | 2254062103 | Trương Ngọc        | Mỹ   | 3.0  | 2.0 | 2.5 | 1.0  | 2    | Không đạt |            |
| 401 | 2154010505 | Trần Mạnh          | Nam  | 3.0  | 5.0 | 4.5 | 3.0  | 4    | Đạt       |            |
| 402 | 1954072085 | H Nhip             | Niê  | 3.0  | 3.5 | 2.0 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 403 | 2155013060 | Lê Thị Ngọc        | Nữ   | 3.5  | 6.0 | 3.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |            |
| 404 | 2254062130 | Lê Thị Minh        | Ny   | 4.5  | 3.0 | 3.0 | 5.5  | 4    | Đạt       |            |
| 405 | 2155013044 | Lê Thị Hằng        | Nga  | 4.5  | 6.0 | 7.5 | 8.5  | 6.5  | Đạt       |            |
| 406 | 2254102038 | Nguyễn Thị Mỹ      | Nga  | 3.5  | 1.5 | 4.5 | 2.5  | 3    | Không đạt |            |
| 407 | 2254032134 | Nguyễn Thị Tuyết   | Nga  | 4.0  | 5.5 | 5.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |            |
| 408 | 2254032135 | Phạm Thị Bảo       | Nga  | 5.0  | 8.0 | 8.0 | 6.0  | 7    | Đạt       |            |
| 409 | 2051010201 | Hoàng Quảng        | Ngà  | 3.0  | 6.0 | 4.5 | 3.0  | 4    | Đạt       |            |
| 410 | 2154010510 | Nguyễn Thị         | Ngà  | 2.5  | 5.5 | 4.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 411 | 2251052071 | Chu Lệ             | Ngân | 5.5  | 4.0 | 4.5 | 5.0  | 5    | Đạt       |            |
| 412 | 2153023059 | Đặng Thanh         | Ngân | 3.0  | 5.0 | 6.0 | 5.5  | 5    | Đạt       |            |
| 413 | 2153013092 | Đào Nhuận          | Ngân | 2.0  | 3.0 | 4.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 414 | 2254042113 | Đỗ Thị Kim         | Ngân | 5.0  | 3.5 | 3.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 415 | 2155013045 | Lâm Kim            | Ngân | 6.0  | 7.0 | 9.0 | 6.5  | 7    | Đạt       |            |
| 416 | 2151043099 | Lâm Kim            | Ngân | 2.5  | 6.0 | 6.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |            |
| 417 | 2254022074 | Lê Hoàng Kim       | Ngân | 6.0  | 5.5 | 7.5 | 4.5  | 6    | Đạt       |            |
| 418 | 2154030426 | Lê Phan Quỳnh      | Ngân | 3.0  | 6.0 | 4.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |            |
| 419 | 2154030428 | Lê Thị             | Ngân | 4.5  | 2.0 | 4.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 420 | 2154070195 | Nguyễn Hoàng       | Ngân | 5.0  | 5.5 | 4.5 | 6.0  | 5.5  | Đạt       |            |
| 421 | 2151040092 | Nguyễn Hoàng Kim   | Ngân | 2.5  | 1.0 | 4.0 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |            |
| 422 | 2153023063 | Nguyễn Huỳnh Thảo  | Ngân | 4.0  | 1.0 | 4.5 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 423 | 2153023064 | Nguyễn Ngọc Kim    | Ngân | 2.5  | 7.0 | 5.0 | 5.5  | 5    | Đạt       |            |
| 424 | 2155010171 | Nguyễn Thảo        | Ngân | 4.5  | 1.5 | 3.0 | 3.5  | 3    | Không đạt |            |
| 425 | 2154120097 | Nguyễn Thị Kim     | Ngân | 7.5  | 5.0 | 4.0 | 3.0  | 5    | Đạt       |            |
| 426 | 2154010530 | Nguyễn Thị Tuyết   | Ngân |      |     |     |      |      |           | Vắng thi   |
| 427 | 2153023067 | Nguyễn Thị Thanh   | Ngân | 3.5  | 5.0 | 3.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |            |
| 428 | 2151043100 | Nguyễn Thị Thu     | Ngân | 2.5  | 5.5 | 3.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 429 | 2156010196 | Phạm Thị Kim       | Ngân | 4.5  | 4.0 | 3.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |            |
| 430 | 2154010533 | Phan Thị Kim       | Ngân | 2.5  | 3.0 | 5.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 431 | 2156020131 | Quách Hoa Kim      | Ngân | 3.5  | 2.0 | 4.0 | 1.0  | 2.5  | Không đạt |            |
| 432 | 2153023068 | Trần Bảo           | Ngân | 3.5  | 6.0 | 4.5 | 5.5  | 5    | Đạt       |            |
| 433 | 2053010393 | Trần Ngọc          | Ngân | 2.5  | 4.0 | 3.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 434 | 2154090134 | Trần Nguyễn Kim    | Ngân | 3.0  | 7.0 | 1.5 | 1.0  | 3    | Không đạt |            |

| STT | MSSV       | Họ và tên            |        | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|----------------------|--------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 435 | 2051022072 | Trương Lộ Thanh      | Ngân   | 2.5  | 3.0 | 2.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 436 | 2254032147 | Võ Kim               | Ngân   | 4.5  | 5.5 | 4.5 | 1.5  | 4    | Đạt       |          |
| 437 | 2155013046 | Vũ Nguyễn Thanh      | Ngân   | 8.0  | 6.5 | 8.5 | 2.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 438 | 2154020248 | Vũ Thị Kim           | Ngân   | 3.5  | 6.5 | 3.0 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 439 | 2254042124 | Lê Mẫn               | Nghi   | 3.5  | 2.0 | 5.0 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 440 | 2153023071 | Nguyễn Phương        | Nghi   | 3.0  | 7.0 | 5.0 | 4.5  | 5    | Đạt       |          |
| 441 | 2154070202 | Trần Phan Thục       | Nghi   | 5.5  | 7.0 | 5.5 | 4.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 442 | 2154070203 | Trần Hữu             | Nghĩa  | 5.0  | 5.5 | 4.5 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 443 | 2056022086 | Y Xuân               | Ngọ    | 1.5  | 2.5 | 2.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 444 | 2151040096 | Lê Du                | Ngoại  | 2.0  | 3.0 | 3.5 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 445 | 2154010562 | Đinh Hồ Như          | Ngọc   | 4.5  | 4.0 | 5.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 446 | 2254032151 | Đỗ Thị Kim           | Ngọc   | 5.0  | 6.5 | 4.0 | 4.5  | 5    | Đạt       |          |
| 447 | 2254110015 | Đoàn Như             | Ngọc   | 4.0  | 6.0 | 5.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |          |
| 448 | 2153023072 | Huỳnh Trang Ánh      | Ngọc   | 3.0  | 7.5 | 5.0 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 449 | 2254102041 | Khê Thị Kim          | Ngọc   | 2.5  | 2.5 | 5.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 450 | 2154040266 | Lê Thị Bích          | Ngọc   | 4.5  | 4.0 | 3.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 451 | 2154020258 | Nguyễn Đình Bảo      | Ngọc   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 452 | 2154010573 | Nguyễn Hồng Như      | Ngọc   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 453 | 2154010578 | Nguyễn Thị Ánh       | Ngọc   | 3.5  | 5.0 | 4.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 454 | 2155010183 | Tạ Nguyên Kim        | Ngọc   | 7.5  | 8.5 | 9.0 | 8.0  | 8.5  | Đạt       |          |
| 455 | 2154020264 | Trần Thị Hồng        | Ngọc   | 4.5  | 5.5 | 5.5 | 6.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 456 | 2056010181 | Hoàng Minh           | Nguyệt | 3.5  | 6.5 | 6.0 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 457 | 2154090153 | Lê Thu               | Nguyệt | 3.0  | 7.0 | 4.0 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 458 | 2054022088 | Nguyễn Thị Ánh       | Nguyệt | 3.5  | 5.0 | 3.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 459 | 2154102003 | Phan Minh            | Nguyệt | 4.5  | 6.5 | 5.5 | 4.0  | 5    | Đạt       |          |
| 460 | 2054032256 | Huỳnh Thị Thảo       | Nguyên | 3.0  | 6.0 | 3.5 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 461 | 2254042127 | Lê Thị Thảo          | Nguyên |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 462 | 2154033058 | Lư Minh              | Nguyên | 3.5  | 2.0 | 2.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 463 | 2054060337 | Nguyễn Cao           | Nguyên |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 464 | 2253022080 | Nguyễn Kim           | Nguyên | 7.0  | 6.0 | 8.0 | 6.5  | 7    | Đạt       |          |
| 465 | 1954032218 | Nguyễn Thảo          | Nguyên | 2.5  | 3.0 | 2.5 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 466 | 2154100126 | Nguyễn Thị Hiếu Thảo | Nguyên | 2.0  | 1.0 | 3.5 | 2.0  | 2    | Không đạt |          |
| 467 | 2151013059 | Tổng An              | Nguyên | 3.5  | 8.0 | 7.0 | 6.0  | 6    | Đạt       |          |
| 468 | 1954062162 | Trần Thảo            | Nguyên | 3.5  | 2.0 | 4.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 469 | 2154010603 | Trần Thị Thảo        | Nguyên |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 470 | 2154120110 | Trần Thị Thảo        | Nguyên | 5.5  | 5.0 | 3.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 471 | 2254022083 | Võ Thị Thảo          | Nguyên | 5.0  | 4.5 | 4.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 472 | 2154050201 | Đào Thị Thanh        | Nhã    | 4.5  | 5.5 | 3.5 | 2.0  | 4    | Đạt       |          |
| 473 | 2153013113 | Nguyễn Thanh         | Nhã    | 3.5  | 3.5 | 4.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 474 | 2254060036 | Hồ Thị Thanh         | Nhàn   | 3.5  | 2.0 | 4.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên         |      | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|-------------------|------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 475 | 2153013112 | Lê Thị Thanh      | Nhàn | 3.5  | 1.0 | 3.0 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 476 | 2254042133 | Đặng Thị Kim      | Nhẫn |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 477 | 2151023157 | Võ Ngọc           | Nhẫn | 2.5  | 2.0 | 4.5 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 478 | 1951040032 | Đỗ Văn            | Nhật |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 479 | 2151040106 | Hồ Duy            | Nhật | 3.0  | 2.5 | 3.5 | 1.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 480 | 2051042081 | Bùi Minh          | Nhật |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 481 | 1751012049 | Hoàng Đức         | Nhật | 3.0  | 8.0 | 5.0 | 6.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 482 | 1851020089 | Nguyễn Thái       | Nhật | 2.5  | 6.0 | 3.0 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 483 | 2151053042 | Lê Thành          | Nhân | 4.5  | 7.5 | 8.5 | 7.5  | 7    | Đạt       |          |
| 484 | 2156010217 | Nguyễn Thành      | Nhân | 7.5  | 7.0 | 8.5 | 6.5  | 7.5  | Đạt       |          |
| 485 | 2254012193 | Võ Phạm Hoài      | Nhân | 5.5  | 3.5 | 6.0 | 4.0  | 5    | Đạt       |          |
| 486 | 2254062120 | Võ Thành          | Nhân | 5.5  | 2.5 | 7.0 | 6.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 487 | 2353010143 | Chương Xuân       | Nhi  | 6.5  | 7.5 | 6.5 | 5.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 488 | 2156020146 | Dương Ngọc Phương | Nhi  | 3.5  | 4.5 | 3.0 | 1.5  | 3    | Không đạt |          |
| 489 | 2156020147 | Dương Thị Ngọc    | Nhi  | 2.0  | 3.0 | 3.0 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 490 | 2154100131 | Đinh Thị Tuyết    | Nhi  | 2.5  | 4.0 | 3.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 491 | 2154060423 | Đỗ Thị Hạ         | Nhi  | 2.0  | 4.5 | 3.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 492 | 1955012071 | Hồ Thị Yến        | Nhi  | 3.0  | 4.0 | 4.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 493 | 2156023136 | Hoàng Mỹ          | Nhi  | 3.0  | 4.5 | 4.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 494 | 2154050204 | Huỳnh Thị Bảo     | Nhi  | 5.5  | 4.0 | 5.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 495 | 2254052055 | Lê Hoàng Yến      | Nhi  | 6.5  | 2.5 | 4.5 | 7.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 496 | 2254102043 | Lê Ngọc           | Nhi  | 5.0  | 6.0 | 4.5 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 497 | 2254032176 | Lê Yến            | Nhi  | 4.5  | 4.0 | 4.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 498 | 2254062122 | Ngô Uyên          | Nhi  | 3.0  | 2.0 | 5.0 | 5.5  | 4    | Đạt       |          |
| 499 | 2153023074 | Nguyễn Cao Yến    | Nhi  | 4.5  | 5.0 | 4.5 | 2.0  | 4    | Đạt       |          |
| 500 | 2154090166 | Nguyễn Hoài Đông  | Nhi  | 8.0  | 8.5 | 8.5 | 6.5  | 8    | Đạt       |          |
| 501 | 2154010632 | Nguyễn Lê Uyên    | Nhi  | 3.0  | 5.5 | 4.0 | 2.5  | 4    | Đạt       |          |
| 502 | 2154060434 | Nguyễn Ngọc Hào   | Nhi  | 4.0  | 4.0 | 5.0 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 503 | 2153013118 | Nguyễn Phan Cát   | Nhi  | 3.5  | 3.0 | 3.0 | 1.5  | 3    | Không đạt |          |
| 504 | 2154050209 | Nguyễn Thị Hồng   | Nhi  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 505 | 2154040309 | Nguyễn Thị Lan    | Nhi  | 3.5  | 3.0 | 3.5 | 1.5  | 3    | Không đạt |          |
| 506 | 2154070232 | Nguyễn Thị Tuyết  | Nhi  | 3.5  | 3.0 | 2.5 | 3.5  | 3    | Không đạt |          |
| 507 | 2154010640 | Nguyễn Thị Ý      | Nhi  | 1.5  | 5.5 | 3.5 | 5.5  | 4    | Đạt       |          |
| 508 | 2154090168 | Nguyễn Thị Yến    | Nhi  | 5.0  | 7.0 | 7.0 | 5.5  | 6    | Đạt       |          |
| 509 | 2054040273 | Nguyễn Thị Yến    | Nhi  |      | 5.0 |     |      |      | Không đạt |          |
| 510 | 2254062123 | Nguyễn Thị Yến    | Nhi  | 4.0  | 3.5 | 4.0 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 511 | 2154090171 | Phan Thị Yến      | Nhi  | 5.0  | 4.5 | 3.0 | 2.5  | 4    | Đạt       |          |
| 512 | 2154050212 | Trần Bội          | Nhi  | 3.0  | 0.0 | 3.5 | 0.5  | 2    | Không đạt |          |
| 513 | 2154040317 | Trần Nguyễn Hoàng | Nhi  | 6.5  | 2.5 | 4.5 | 2.0  | 4    | Đạt       |          |
| 514 | 2154040318 | Trần Thị Khã      | Nhi  | 3.0  | 3.0 | 2.5 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |

| STT | MSSV              | Họ và tên          |              | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng       | Năng lực  | Ghi chú    |
|-----|-------------------|--------------------|--------------|------|-----|-----|------|------------|-----------|------------|
| 515 | <b>2054042205</b> | Trần Thị Quỳnh     | <b>Nhi</b>   | 3.5  | 5.0 | 4.0 | 4.5  | <b>4.5</b> | Đạt       |            |
| 516 | <b>2156013061</b> | Trương Lê Uyên     | <b>Nhi</b>   | 6.5  | 6.5 | 6.0 | 6.5  | <b>6.5</b> | Đạt       |            |
| 517 | <b>2153023078</b> | Võ Hoàng Yến       | <b>Nhi</b>   | 2.0  | 7.0 | 7.0 | 3.5  | <b>5</b>   | Đạt       |            |
| 518 | <b>2054060367</b> | Võ Thị Yến         | <b>Nhi</b>   | 3.5  | 4.5 | 2.0 | 5.0  | <b>4</b>   | Đạt       |            |
| 519 | <b>2151020127</b> | Nguyễn Văn         | <b>Nhí</b>   | 2.0  | 2.0 | 3.0 | 2.0  | <b>2.5</b> | Không đạt |            |
| 520 | <b>2054030392</b> | Lữ Thị Hồng        | <b>Nhung</b> | 3.0  | 5.0 | 2.5 | 2.5  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 521 | <b>2156013062</b> | Nguyễn Hoài        | <b>Nhung</b> | 3.0  | 2.5 | 3.5 | 4.5  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 522 | <b>2154030553</b> | Nguyễn Thị Cẩm     | <b>Nhung</b> | 2.5  | 1.0 | 3.5 | 7.0  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 523 | <b>2054040288</b> | Nguyễn Thụy Mộng   | <b>Nhung</b> | 2.0  | 2.5 | 4.5 | 5.0  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 524 | <b>2253022090</b> | Phạm Thị Hồng      | <b>Nhung</b> | 5.0  | 5.0 | 5.5 | 5.0  | <b>5</b>   | Đạt       |            |
| 525 | <b>2154110293</b> | Trần Ngọc          | <b>Nhung</b> | 3.5  | 4.5 | 4.0 | 5.5  | <b>4.5</b> | Đạt       |            |
| 526 | <b>2154103029</b> | Trần Thị Phi       | <b>Nhung</b> | 4.5  | 6.5 | 5.5 | 4.0  | <b>5</b>   | Đạt       |            |
| 527 | <b>2155013055</b> | Trịnh Hoàng        | <b>Nhung</b> | 7.5  | 7.0 | 9.0 | 4.5  | <b>7</b>   | Đạt       |            |
| 528 | <b>2154020294</b> | Trịnh Thị Hồng     | <b>Nhung</b> | 2.5  | 4.0 | 3.5 | 5.5  | <b>4</b>   | Đạt       |            |
| 529 | <b>2151050313</b> | Lê Minh            | <b>Nhựt</b>  | 2.5  | 3.0 | 4.5 | 3.0  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 530 | <b>2051050334</b> | Nguyễn Minh        | <b>Nhựt</b>  |      |     |     |      |            |           | Vắng thi   |
| 531 | <b>2253022086</b> | Dương Thị Quỳnh    | <b>Như'</b>  | 5.0  | 3.0 | 4.0 | 4.5  | <b>4</b>   | Đạt       |            |
| 532 | <b>2154133039</b> | Dương Thị Thanh    | <b>Như'</b>  | 4.0  | 5.5 | 4.5 | 5.5  | <b>5</b>   | Đạt       |            |
| 533 | <b>2254062125</b> | Đặng Thị Ánh       | <b>Như'</b>  | 4.0  | 2.0 | 4.0 | 3.0  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 534 | <b>1955012076</b> | Hồ Ngọc Quỳnh      | <b>Như'</b>  |      | 4.0 |     |      |            | Không đạt | Vi phạm QC |
| 535 | <b>2254062127</b> | Huỳnh Tố           | <b>Như'</b>  | 3.5  | 2.0 | 3.5 | 5.0  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 536 | <b>2251050054</b> | Lê Huỳnh Ngọc      | <b>Như'</b>  | 3.0  | 6.5 | 6.5 | 5.5  | <b>5.5</b> | Đạt       |            |
| 537 | <b>2154060455</b> | Lê Quỳnh           | <b>Như'</b>  | 5.0  | 5.0 | 6.0 | 4.5  | <b>5</b>   | Đạt       |            |
| 538 | <b>2254040083</b> | Lê Thị Huỳnh       | <b>Như'</b>  |      |     |     |      |            |           | Vắng thi   |
| 539 | <b>2054010537</b> | Lê Thị Quỳnh       | <b>Như'</b>  | 3.0  | 6.5 | 5.0 | 5.0  | <b>5</b>   | Đạt       |            |
| 540 | <b>2154130087</b> | Lê Thị Quỳnh       | <b>Như'</b>  | 2.5  | 4.0 | 3.5 | 2.5  | <b>3</b>   | Không đạt |            |
| 541 | <b>2154090188</b> | Lưu Thị Huỳnh      | <b>Như'</b>  | 5.0  | 6.0 | 6.0 | 4.0  | <b>5.5</b> | Đạt       |            |
| 542 | <b>2154110296</b> | Ngô Đài Ngọc       | <b>Như'</b>  | 6.0  | 4.0 | 3.5 | 2.0  | <b>4</b>   | Đạt       |            |
| 543 | <b>2154030565</b> | Ngô Thanh          | <b>Như'</b>  | 5.0  | 4.0 | 7.5 | 2.5  | <b>5</b>   | Đạt       |            |
| 544 | <b>2154010680</b> | Nguyễn Dương Thiện | <b>Như'</b>  | 3.0  | 5.5 | 3.5 |      |            | Không đạt | Vi phạm QC |
| 545 | <b>2053010466</b> | Nguyễn Hồ Huỳnh    | <b>Như'</b>  | 2.5  | 5.0 | 2.5 | 3.0  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 546 | <b>2154010679</b> | Nguyễn Hoàng Tâm   | <b>Như'</b>  | 3.0  | 6.0 | 4.5 | 5.0  | <b>4.5</b> | Đạt       |            |
| 547 | <b>2056010214</b> | Nguyễn Hùng Quỳnh  | <b>Như'</b>  | 2.5  | 4.5 | 3.0 | 3.5  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 548 | <b>2253022087</b> | Nguyễn Minh        | <b>Như'</b>  | 3.5  | 3.5 | 4.0 | 4.5  | <b>4</b>   | Đạt       |            |
| 549 | <b>2057010593</b> | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | <b>Như'</b>  | 2.5  | 6.0 | 4.5 | 4.0  | <b>4.5</b> | Đạt       |            |
| 550 | <b>2254020059</b> | Nguyễn Phi         | <b>Như'</b>  | 4.0  | 3.5 | 3.5 | 2.5  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 551 | <b>2154100153</b> | Nguyễn Quỳnh       | <b>Như'</b>  | 3.5  | 3.0 | 3.5 | 3.5  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 552 | <b>2154100154</b> | Nguyễn Thanh Huỳnh | <b>Như'</b>  | 3.5  | 5.0 | 4.5 | 2.5  | <b>4</b>   | Đạt       |            |
| 553 | <b>2153023083</b> | Phạm Quỳnh         | <b>Như'</b>  | 1.0  | 4.5 | 4.0 | 4.0  | <b>3.5</b> | Không đạt |            |
| 554 | <b>2154070245</b> | Phạm Thị           | <b>Như'</b>  | 1.5  | 2.5 | 4.5 | 3.0  | <b>3</b>   | Không đạt |            |

| STT | MSSV       | Họ và tên         |        | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|-------------------|--------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 555 | 2156013064 | Phan Ngọc Mộng    | Như'   | 4.5  | 6.0 | 4.0 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 556 | 2154080357 | Phan Quỳnh        | Như'   | 5.5  | 7.0 | 5.5 | 4.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 557 | 2153010300 | Phùng Thị Ngọc    | Như'   | 2.5  | 3.5 | 4.5 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 558 | 2154020304 | Trần Ngọc Thảo    | Như'   | 3.5  | 5.0 | 4.5 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 559 | 2254042164 | Trần Thị Ngọc     | Như'   | 4.0  | 2.5 | 3.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 560 | 2253022089 | Võ Hoàng Ái       | Như'   | 5.0  | 3.0 | 5.0 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 561 | 2154050223 | Đỗ Thị            | Oanh   | 4.5  | 1.0 | 4.5 | 1.5  | 3    | Không đạt |          |
| 562 | 2053012097 | Lê Hoàng Thúy     | Oanh   | 5.5  | 6.5 | 5.0 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 563 | 2154070250 | Lê Kiều           | Oanh   | 2.0  | 3.0 | 2.5 | 3.5  | 3    | Không đạt |          |
| 564 | 2256022053 | Lê Tường          | Oanh   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 565 | 2154100162 | Trần Thị Kiều     | Oanh   | 3.5  | 4.5 | 3.0 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 566 | 2254122031 | Trần Thị Phương   | Oanh   | 3.5  | 3.5 | 3.5 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 567 | 2154020307 | Vũ Thị Lâm        | Oanh   | 3.0  | 5.0 | 4.0 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 568 | 2156013065 | Đỗ Ngọc Châu      | Pha    | 3.0  | 4.5 | 4.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 569 | 2056010225 | Lâm Chiêu         | Phát   | 3.5  | 5.0 | 2.5 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 570 | 1854040221 | Thạch Thị         | Phoi   |      | 1.5 |     |      |      | Không đạt |          |
| 571 | 2151043110 | Huỳnh Tấn         | Phong  | 2.5  | 5.0 | 4.5 | 1.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 572 | 2151010284 | Lê Nguyễn Anh     | Phong  | 5.5  | 6.5 | 6.5 | 3.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 573 | 2151050326 | Nguyễn Như'       | Phong  | 2.5  | 3.0 | 3.0 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 574 | 2151013069 | Nguyễn Trần Thanh | Phong  | 7.0  | 8.0 | 7.0 | 7.0  | 7.5  | Đạt       |          |
| 575 | 1854060186 | Đàng Xuân         | Phoir  | 3.0  | 1.0 | 3.0 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 576 | 2151023169 | Đặng Nhật         | Phú    | 2.5  | 3.0 | 3.5 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 577 | 2253022093 | Đoàn Quang        | Phú    | 8.5  | 5.5 | 8.5 | 6.0  | 7    | Đạt       |          |
| 578 | 1851010101 | Nguyễn Quang      | Phú    |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 579 | 2054050173 | Nguyễn Tấn        | Phú    | 2.5  | 2.5 | 3.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 580 | 2154030596 | Bùi Huỳnh         | Phúc   | 4.5  | 3.5 | 2.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 581 | 2154040363 | Bùi Lê Chí        | Phúc   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 582 | 2051052102 | Dương Huỳnh Minh  | Phúc   | 3.5  | 6.5 | 5.5 | 6.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 583 | 2154030598 | Dương Trọng       | Phúc   | 2.5  | 2.0 | 4.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 584 | 2254042172 | Lê Đặng Diễm      | Phúc   | 4.5  | 5.0 | 6.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |          |
| 585 | 2151050338 | Lưu Văn           | Phúc   | 3.0  | 6.5 | 6.0 | 7.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 586 | 2053010488 | Nguyễn Hoàng      | Phúc   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 587 | 2254032200 | Phạm Hồng         | Phúc   | 4.5  | 6.0 | 5.5 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 588 | 2154030606 | Trần Thị Hồng     | Phúc   | 3.0  | 3.0 | 3.5 | 2.0  | 3    | Không đạt |          |
| 589 | 2155013063 | Võ Hoàng          | Phúc   | 6.5  | 7.5 | 6.5 | 4.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 590 | 2054030435 | Đặng Mỹ           | Phụng  | 3.0  | 4.5 | 3.0 | 2.0  | 3    | Không đạt |          |
| 591 | 2156023151 | Nguyễn Thị Y      | Phụng  | 5.5  | 5.0 | 4.5 | 5.0  | 5    | Đạt       |          |
| 592 | 2055010264 | Phạm Thị          | Phụng  | 3.0  | 2.5 | 2.0 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 593 | 2151023181 | Bùi Thị Hồng      | Phước  | 3.0  | 5.0 | 4.5 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 594 | 2254032212 | Nguyễn Thị Mỹ     | Phượng | 4.0  | 5.5 | 3.5 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên           |        | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú |
|-----|------------|---------------------|--------|------|-----|-----|------|------|-----------|---------|
| 595 | 2054020375 | Trương Thị Tuyết    | Phượng | 1.5  | 5.5 | 3.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |         |
| 596 | 2154070261 | Đỗ Ngọc Minh        | Phượng | 5.5  | 4.0 | 2.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |         |
| 597 | 2254062141 | Lê Minh             | Phượng | 4.5  | 2.5 | 3.5 | 1.0  | 3    | Không đạt |         |
| 598 | 2153010323 | Lê Nguyễn Ngọc Diễm | Phượng | 3.5  | 6.0 | 4.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |         |
| 599 | 2053010497 | Nguyễn Duy          | Phượng | 2.5  | 5.0 | 2.5 | 2.0  | 3    | Không đạt |         |
| 600 | 2254062143 | Nguyễn Hoàng Lan    | Phượng | 7.0  | 5.5 | 8.5 | 6.0  | 7    | Đạt       |         |
| 601 | 2156023154 | Nguyễn Thị Hoàng    | Phượng | 3.5  | 2.5 | 4.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |         |
| 602 | 2056022107 | Nguyễn Thị Trang    | Phượng | 2.5  | 5.0 | 2.5 | 5.5  | 4    | Đạt       |         |
| 603 | 2154010751 | Nguyễn Thị Trúc     | Phượng | 2.5  | 5.5 | 4.0 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |         |
| 604 | 2054032336 | Nguyễn Trịnh Hải    | Phượng | 3.5  | 6.5 | 3.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |         |
| 605 | 2054012246 | Phan Hữu Đức        | Phượng | 4.5  | 8.5 | 5.5 | 7.5  | 6.5  | Đạt       |         |
| 606 | 2154060483 | Trần Thanh          | Phượng | 4.5  | 3.5 | 5.0 | 2.5  | 4    | Đạt       |         |
| 607 | 2056012142 | Trần Thị Thu        | Phượng | 2.5  | 6.0 | 3.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |         |
| 608 | 2054030452 | Trần Thị Xuân       | Phượng | 2.5  | 4.5 | 8.5 | 5.0  | 5    | Đạt       |         |
| 609 | 2151020147 | Lữ Minh             | Quang  | 2.5  | 5.0 | 3.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |         |
| 610 | 1951052163 | Nguyễn Thành        | Quang  | 3.5  | 7.0 | 6.0 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |         |
| 611 | 2151010306 | Tô Thái Việt        | Quang  | 3.5  | 7.0 | 3.0 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |         |
| 612 | 2254142021 | Đỗ Minh             | Quân   | 6.5  | 7.0 | 7.0 | 5.5  | 6.5  | Đạt       |         |
| 613 | 2054072091 | Hoàng Hải           | Quân   | 3.5  | 3.0 | 5.5 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |         |
| 614 | 2251012118 | Ngô Quốc            | Quân   | 5.5  | 7.0 | 6.0 | 4.0  | 5.5  | Đạt       |         |
| 615 | 2151050355 | Trần Hoàng          | Quân   | 4.0  | 7.0 | 6.0 | 8.0  | 6.5  | Đạt       |         |
| 616 | 2154050249 | Nguyễn Thái         | Quốc   | 4.5  | 5.0 | 5.5 | 4.0  | 5    | Đạt       |         |
| 617 | 2255012055 | Võ Nguyễn Tiểu      | Quy    |      | 2.5 |     |      |      | Không đạt |         |
| 618 | 2156013072 | Trần Thị            | Quý    | 3.0  | 2.0 | 4.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |         |
| 619 | 2156023159 | Nguyễn Bá           | Quyển  | 3.5  | 5.0 | 5.0 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |         |
| 620 | 2154010771 | Đinh Huỳnh Xuân     | Quyên  | 3.0  | 4.5 | 2.5 | 7.0  | 4.5  | Đạt       |         |
| 621 | 2154010772 | Đỗ Tú               | Quyên  | 2.5  | 6.0 | 3.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |         |
| 622 | 2254032218 | Lê Hoàng Tú         | Quyên  | 3.5  | 2.5 | 4.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |         |
| 623 | 2156023157 | Lê Ngọc             | Quyên  | 4.0  | 3.0 | 3.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |         |
| 624 | 2154100175 | Lê Toàn Hạnh        | Quyên  | 4.5  | 1.0 | 5.0 | 1.5  | 3    | Không đạt |         |
| 625 | 2154060495 | Lê Thị Thảo         | Quyên  | 2.0  | 4.0 | 4.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |         |
| 626 | 2254060048 | Lê Trần Sương       | Quyên  | 3.0  | 3.5 | 2.5 | 3.5  | 3    | Không đạt |         |
| 627 | 2155013065 | Mai Phương          | Quyên  | 7.5  | 7.5 | 7.5 | 5.5  | 7    | Đạt       |         |
| 628 | 2153013145 | Nguyễn Ngọc Bảo     | Quyên  | 3.5  | 3.5 | 3.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |         |
| 629 | 2153023091 | Nguyễn Ngọc Khánh   | Quyên  | 3.0  | 7.0 | 4.0 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |         |
| 630 | 2254050056 | Nguyễn Thị Hạnh     | Quyên  | 5.0  | 5.5 | 5.0 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |         |
| 631 | 2154020331 | Nguyễn Thị Lệ       | Quyên  | 3.0  | 7.0 | 6.5 | 7.0  | 6    | Đạt       |         |
| 632 | 2056012144 | Nguyễn Thị Thu      | Quyên  | 3.0  | 3.5 | 4.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |         |
| 633 | 2056012146 | Trần Thị Kim        | Quyên  | 3.0  | 3.0 | 3.0 | 3.0  | 3    | Không đạt |         |
| 634 | 2153010352 | Bùi Thị Như         | Quỳnh  | 3.0  | 6.0 | 4.5 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |         |

| STT | MSSV       | Họ và tên           |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|---------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 635 | 2154060504 | Chu Thanh           | Quỳnh | 3.5  | 4.0 | 3.5 | 1.5  | 3    | Không đạt |          |
| 636 | 2254102050 | Đặng Thái Diễm      | Quỳnh | 4.5  | 2.5 | 4.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 637 | 2354060193 | Đinh Trúc           | Quỳnh | 5.5  | 8.0 | 6.0 | 4.5  | 6    | Đạt       |          |
| 638 | 2056012150 | Huỳnh Nguyễn Như    | Quỳnh |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 639 | 2154010788 | Huỳnh Nguyễn Như    | Quỳnh | 3.5  | 5.5 | 4.5 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 640 | 2154020333 | Lê Ngọc             | Quỳnh | 3.5  | 2.5 | 3.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 641 | 2153023092 | Lê Thị              | Quỳnh | 3.5  | 7.5 | 3.0 | 2.5  | 4    | Đạt       |          |
| 642 | 2354060195 | Lê Thị Như          | Quỳnh | 5.5  | 5.5 | 7.0 | 4.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 643 | 2153013149 | Lương Thị Như       | Quỳnh | 1.5  | 3.0 | 4.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 644 | 2054132050 | Nguyễn Diễm         | Quỳnh | 3.0  | 2.5 | 3.5 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 645 | 2053010525 | Nguyễn Đỗ Hoàng Như | Quỳnh | 3.0  | 2.0 | 2.5 | 3.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 646 | 2154040404 | Nguyễn Ngọc         | Quỳnh | 3.5  | 2.5 | 3.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 647 | 2154070272 | Phan Như            | Quỳnh | 5.0  | 5.0 | 3.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 648 | 2156013074 | Phan Thị Như        | Quỳnh | 4.5  | 4.5 | 4.0 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 649 | 2154080416 | Trần Hoàng Trúc     | Quỳnh | 3.5  | 4.5 | 3.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 650 | 2154020338 | Trần Thị Như        | Quỳnh |      | 1.5 |     |      |      | Không đạt |          |
| 651 | 2054072095 | Trần Vũ Như         | Quỳnh | 3.0  | 4.0 | 5.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 652 | 2254042183 | Vũ Phương           | Quỳnh | 8.0  | 7.5 | 8.5 | 7.5  | 8    | Đạt       |          |
| 653 | 2255010064 | Hoàng Thị Lập       | Sang  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 654 | 2254112070 | Lại Trường          | Sang  |      | 9.0 |     |      |      | Không đạt |          |
| 655 | 2051042107 | Phạm Hồng           | Sang  | 2.5  | 3.0 | 4.5 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 656 | 2155010253 | Tạ Huệ              | Sang  | 3.5  | 6.0 | 4.5 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 657 | 2051050410 | Trần Minh           | Sang  | 3.0  | 1.0 | 3.0 | 1.0  | 2    | Không đạt |          |
| 658 | 2151043130 | Nguyễn Văn          | Sĩ    | 3.0  | 3.5 | 2.5 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 659 | 2054032367 | Nguyễn Thị Tuyết    | Sim   | 1.5  | 7.0 | 4.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 660 | 2151013080 | Nguyễn Trường       | Sinh  | 3.0  | 4.0 | 4.5 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 661 | 2154020344 | Võ Thị Kim          | Sinh  | 4.5  | 2.5 | 4.5 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 662 | 1851010115 | Đặng Đức            | Sơn   | 1.5  | 3.5 | 3.5 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 663 | 2254082084 | Trương Nam          | Sơn   | 5.5  | 4.5 | 5.0 | 5.5  | 5    | Đạt       |          |
| 664 | 2154080422 | Nguyễn Ngọc Như     | Sương | 5.5  | 7.0 | 7.5 | 6.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 665 | 2151020158 | Lê Minh             | Tài   | 3.0  | 4.5 | 3.5 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 666 | 2254072078 | Lê Ngọc             | Tài   | 2.5  | 2.5 | 3.0 | 1.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 667 | 2254082086 | Ngũ Ngọc Tấn        | Tài   | 4.5  | 6.0 | 5.5 | 6.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 668 | 2054062191 | Nguyễn Thanh        | Tài   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 669 | 2151012008 | Phan Văn            | Tài   | 2.5  | 6.5 | 5.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |          |
| 670 | 2154020347 | Trần Thái           | Tài   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 671 | 2051010269 | Trịnh Trung         | Tài   | 2.5  | 5.5 | 2.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 672 | 2251020036 | Nguyễn Minh         | Tấn   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 673 | 2254060051 | Nguyễn Thành        | Tấn   | 5.0  | 6.5 | 6.0 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 674 | 2254142026 | Nguyễn Trương Hoàng | Tấn   | 2.5  | 4.0 | 2.5 | 5.5  | 3.5  | Không đạt |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên        |      | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|------------------|------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 675 | 1951012118 | Phạm Thanh       | Tấn  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 676 | 2154010830 | Nguyễn Đình      | Tâm  | 3.5  | 6.0 | 3.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 677 | 2153010374 | Nguyễn Thị Minh  | Tâm  | 3.0  | 2.0 | 3.5 | 7.5  | 4    | Đạt       |          |
| 678 | 2154060528 | Nguyễn Thị Mỹ    | Tâm  | 3.0  | 5.0 | 2.5 | 7.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 679 | 2054032373 | Trịnh Thị Thanh  | Tâm  | 5.0  | 6.0 | 3.5 | 2.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 680 | 2151050391 | Lê Văn           | Tân  | 1.5  | 2.5 | 3.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 681 | 2151050392 | Nguyễn Duy       | Tân  | 4.5  | 7.0 | 7.5 | 7.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 682 | 2151050390 | Nguyễn Huy       | Tân  | 2.5  | 6.0 | 2.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 683 | 2154010843 | Nguyễn Thành     | Tân  | 3.0  | 4.5 | 3.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 684 | 2154040422 | Nguyễn Thị Tuyết | Tân  | 5.0  | 2.0 | 4.5 | 2.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 685 | 2151052004 | Trần Nhựt        | Tân  | 2.5  | 5.5 | 4.0 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 686 | 2254062157 | Lê Thiện Đồng    | Tây  | 4.5  | 3.5 | 4.5 | 2.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 687 | 2151040157 | Giang Gia        | Tiền | 3.5  | 4.0 | 3.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 688 | 2151020182 | Hoàng Phi        | Tiền | 4.5  | 3.0 | 4.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 689 | 2254062180 | Huỳnh Minh       | Tiền | 2.5  | 3.0 | 4.0 | 5.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 690 | 2051010310 | Nguyễn Sinh      | Tiền | 2.5  | 3.5 | 5.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 691 | 2155013085 | Đỗ Thị Thủy      | Tiền | 2.5  | 4.0 | 3.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 692 | 2154010984 | Nguyễn Thị Diễm  | Tiền | 2.5  | 2.0 | 3.5 | 4.0  | 3    | Không đạt |          |
| 693 | 2154040496 | Nguyễn Thị Mỹ    | Tiền | 7.0  | 7.0 | 5.0 | 3.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 694 | 2254142028 | Phạm Thị Cẩm     | Tiền | 3.0  | 3.5 | 5.5 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 695 | 2156023192 | Phan Nguyễn Thủy | Tiền | 4.5  | 6.0 | 7.0 | 5.5  | 6    | Đạt       |          |
| 696 | 2151050455 | Trần Đặng Mỹ     | Tiền | 2.5  | 4.5 | 4.5 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 697 | 2056010298 | Võ Thị Mỹ        | Tiền |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 698 | 2154010991 | Đặng Trung       | Tín  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 699 | 2254022155 | Trương Trung     | Tín  | 4.5  | 6.0 | 6.5 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 700 | 2055012081 | Trần Trọng       | Tính | 1.5  | 3.0 | 2.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 701 | 2151050462 | Nguyễn Hữu       | Toàn | 2.5  | 7.0 | 5.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |          |
| 702 | 1951052205 | Nguyễn Quốc      | Toàn |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 703 | 2051020200 | Tô Thanh         | Toàn | 2.5  | 4.5 | 3.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 704 | 2254070034 | Phạm Thị Thanh   | Tốt  | 3.5  | 3.5 | 3.5 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 705 | 2151023256 | Bùi Đức          | Tú   | 3.0  | 3.0 | 2.5 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 706 | 2254062206 | Huỳnh Cẩm        | Tú   | 6.5  | 4.0 | 8.5 | 6.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 707 | 2054050264 | Lê Phan Minh     | Tú   | 3.5  | 1.5 | 4.5 | 0.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 708 | 2254042249 | Ngô Khả          | Tú   | 6.0  | 7.5 | 7.0 | 5.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 709 | 2154020470 | Nguyễn Thị Cẩm   | Tú   | 4.5  | 5.0 | 2.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 710 | 2254100025 | Nguyễn Thị Cẩm   | Tú   | 3.5  | 2.0 | 5.0 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 711 | 2254012347 | Phùng Anh        | Tú   | 6.5  | 7.0 | 5.5 | 3.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 712 | 2154020471 | Trần Thùy Tinh   | Tú   | 4.5  | 6.5 | 8.0 | 4.5  | 6    | Đạt       |          |
| 713 | 2351050196 | Nguyễn Huy Mạnh  | Tuấn | 7.0  | 5.0 | 8.0 | 6.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 714 | 1851020143 | Nguyễn Minh      | Tuấn |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |

| STT | MSSV       | Họ và tên         |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú    |
|-----|------------|-------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|------------|
| 715 | 1951052228 | Trần Anh          | Tuấn  | 3.0  | 2.0 | 3.5 | 0.5  | 2.5  | Không đạt |            |
| 716 | 2153023129 | Trần Quốc         | Tuấn  | 3.0  | 1.0 | 3.0 | 1.5  | 2    | Không đạt |            |
| 717 | 2254062209 | Thạch Ngọc        | Tuân  | 5.0  | 3.0 | 4.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |            |
| 718 | 2351010238 | Lê Khắc           | Tùng  | 7.5  | 8.0 | 8.5 | 5.5  | 7.5  | Đạt       |            |
| 719 | 2051042152 | Vũ Thanh          | Tùng  | 3.0  | 6.0 | 5.0 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 720 | 2154020466 | Lê Kim            | Tuyến | 5.0  | 3.0 | 5.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |            |
| 721 | 2056022156 | La Thị Kim        | Tuyền | 3.0  | 5.0 | 2.0 | 2.0  | 3    | Không đạt |            |
| 722 | 2151050515 | Nguyễn Huỳnh Ngọc | Tuyền | 2.5  | 5.5 | 2.5 | 4.5  | 4    | Đạt       |            |
| 723 | 2154011084 | Nguyễn Thị Mộng   | Tuyền | 3.0  | 5.0 | 4.5 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |            |
| 724 | 2254042255 | Phạm Thị Bích     | Tuyền | 3.5  | 6.0 | 3.5 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 725 | 2155013094 | Phạm Thị Kim      | Tuyền | 2.5  | 1.5 | 4.5 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |            |
| 726 | 2154030927 | Võ Lê Thanh       | Tuyền | 3.5  | 1.0 | 3.0 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |            |
| 727 | 2154040560 | Vương Thị Ngọc    | Tuyền | 2.5  | 4.0 | 3.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 728 | 2254072100 | Huỳnh Ngọc        | Tuyệt | 5.0  | 3.5 | 3.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 729 | 21H4040020 | Trần Thị Kim      | Tuyệt | 3.5  | 2.5 | 4.0 | 5.0  | 4    | Đạt       |            |
| 730 | 1951022130 | Trần Nhựt         | Tường | 2.5  | 1.5 | 3.5 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |            |
| 731 | 2053012114 | Nguyễn Thị Hồng   | Thắm  | 3.0  | 5.0 | 3.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |            |
| 732 | 2054030539 | Đặng Công         | Thắng | 3.0  | 3.0 | 4.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 733 | 2151010348 | Lê Chiền          | Thắng | 4.5  | 7.0 | 3.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 734 | 2251042105 | Nguyễn Đức        | Thắng | 5.0  | 7.0 | 5.5 | 4.0  | 5.5  | Đạt       |            |
| 735 | 1951020067 | Nguyễn Mạnh       | Thắng |      |     |     |      |      |           | Vi phạm QC |
| 736 | 2156023172 | Nguyễn Quốc       | Thắng | 6.0  | 5.5 | 5.0 | 4.5  | 5.5  | Đạt       |            |
| 737 | 2254102055 | Nguyễn Văn        | Thắng | 4.5  | 1.0 | 3.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |            |
| 738 | 2153023100 | Đồng Phương       | Thanh | 4.5  | 4.0 | 3.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 739 | 2254042190 | Lại Minh          | Thanh | 6.5  | 5.5 | 7.0 | 6.0  | 6.5  | Đạt       |            |
| 740 | 2254060052 | Nguyễn Ngọc       | Thanh | 4.5  | 4.5 | 5.5 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |            |
| 741 | 2055010294 | Nguyễn Thị Kim    | Thanh | 3.5  | 3.5 | 4.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 742 | 2154090226 | Phạm Tú           | Thanh | 3.0  | 6.5 | 6.0 | 4.5  | 5    | Đạt       |            |
| 743 | 1954022158 | Phan Thị          | Thanh |      |     |     |      |      |           | Vắng thi   |
| 744 | 2251050067 | Tiêu Lý Thanh     | Thanh | 4.0  | 6.5 | 5.5 | 3.0  | 5    | Đạt       |            |
| 745 | 2054042269 | Phan Chí          | Thành | 2.0  | 3.5 | 3.5 | 3.5  | 3    | Không đạt |            |
| 746 | 2154030692 | Bùi Thị Thu       | Thảo  | 3.5  | 2.0 | 4.5 | 2.0  | 3    | Không đạt |            |
| 747 | 2154110372 | Đặng Thị Thanh    | Thảo  | 4.5  | 6.0 | 4.0 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |            |
| 748 | 2154020363 | Đỗ Thanh          | Thảo  | 3.0  | 4.5 | 5.0 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |            |
| 749 | 2254022124 | Đỗ Thị Thu        | Thảo  | 5.5  | 5.5 | 5.5 | 6.0  | 5.5  | Đạt       |            |
| 750 | 2153023102 | Lâm Thị Thanh     | Thảo  | 3.5  | 4.0 | 4.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |            |
| 751 | 2156023169 | Lê Hoàng Mai      | Thảo  | 8.5  | 7.5 | 9.0 | 6.5  | 8    | Đạt       |            |
| 752 | 2153010388 | Nguyễn Lê Dạ      | Thảo  | 3.0  | 2.5 | 3.5 | 2.5  | 3    | Không đạt |            |
| 753 | 2354060206 | Nguyễn Lê Nhi     | Thảo  | 5.5  | 5.0 | 5.5 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |            |
| 754 | 2153023105 | Nguyễn Thị Minh   | Thảo  | 3.5  | 7.0 | 4.0 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |            |

| STT | MSSV       | Họ và tên          |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú    |
|-----|------------|--------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|------------|
| 755 | 2354070088 | Nguyễn Thị Thanh   | Thảo  | 5.5  | 7.0 | 7.0 | 7.5  | 7    | Đạt       |            |
| 756 | 2254032243 | Nguyễn Thị Xuân    | Thảo  | 5.5  | 6.5 | 5.5 | 6.0  | 6    | Đạt       |            |
| 757 | 2154133046 | Phạm Hiền          | Thảo  | 4.0  | 5.5 | 4.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |            |
| 758 | 2154080447 | Phạm Thị Diệu      | Thảo  | 4.5  | 7.5 | 4.0 | 3.5  | 5    | Đạt       |            |
| 759 | 2051042122 | Tạ Mai Phương      | Thảo  | 1.0  | 3.0 | 3.0 |      |      | Không đạt | Vi phạm QC |
| 760 | 2254042202 | Trần Hà Minh       | Thảo  | 2.5  | 3.0 | 4.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 761 | 2154090238 | Trần Ngọc Phương   | Thảo  | 4.0  | 4.5 | 7.0 | 1.0  | 4    | Đạt       |            |
| 762 | 2154010885 | Trịnh Hồ Nguyên    | Thảo  | 6.5  | 7.5 | 7.0 | 6.5  | 7    | Đạt       |            |
| 763 | 2154010886 | Trịnh Nguyễn Ngọc  | Thảo  | 4.5  | 5.0 | 4.0 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 764 | 2154070296 | Võ Thu             | Thảo  | 3.5  | 4.0 | 4.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 765 | 2054020428 | Lê Thị             | Thân  | 1.0  | 7.0 | 4.5 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 766 | 2054062204 | Trần Thanh         | Thế   | 4.5  | 5.5 | 4.0 | 6.5  | 5    | Đạt       |            |
| 767 | 2054012280 | Bùi Thị Ngọc       | Thi   |      | 6.0 |     |      |      | Không đạt |            |
| 768 | 2254042205 | Phạm Trần Đông     | Thi   | 4.0  | 3.5 | 5.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 769 | 2255010070 | Phùng Anh          | Thi   | 3.5  | 1.5 | 3.0 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |            |
| 770 | 2056010274 | Cao Đình           | Thiện | 5.0  | 6.5 | 4.5 | 3.5  | 5    | Đạt       |            |
| 771 | 2054012283 | Hà Văn             | Thiện |      |     |     |      |      |           | Vắng thi   |
| 772 | 2151053058 | Lê Chí             | Thiện |      |     |     |      |      |           | Vắng thi   |
| 773 | 2254042206 | Lê Thị Thanh       | Thiện | 5.0  | 5.0 | 4.5 | 6.0  | 5    | Đạt       |            |
| 774 | 1851020122 | Nguyễn Trí         | Thiện |      | 0.0 |     |      |      | Không đạt |            |
| 775 | 2151043142 | Trần Nguyễn Quang  | Thiện | 5.5  | 4.5 | 5.5 | 4.5  | 5    | Đạt       |            |
| 776 | 2154010903 | Đoàn Gia           | Thịnh | 4.5  | 5.5 | 7.0 | 7.0  | 6    | Đạt       |            |
| 777 | 2051042126 | Phạm Đức           | Thịnh | 3.0  | 2.5 | 4.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 778 | 2254050063 | Phạm Quốc          | Thịnh | 7.0  | 5.5 | 7.0 | 5.0  | 6    | Đạt       |            |
| 779 | 2154090243 | Trương Hải         | Thịnh | 7.5  | 9.0 | 9.5 | 6.0  | 8    | Đạt       |            |
| 780 | 2254032256 | Đàm Văn            | Thọ   | 3.5  | 8.0 | 6.5 | 6.0  | 6    | Đạt       |            |
| 781 | 2151050433 | Hồ Thị Kim         | Thoa  |      | 5.0 |     |      |      | Không đạt |            |
| 782 | 1956012133 | Nguyễn Kim         | Thoa  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi   |
| 783 | 2154020385 | Nguyễn Hoàng Thanh | Thoại | 2.5  | 5.0 | 4.5 | 6.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 784 | 2155010275 | Âu Dương           | Thông | 3.0  | 3.0 | 2.0 | 3.0  | 3    | Không đạt |            |
| 785 | 2254032259 | Võ Thành           | Thông | 4.5  | 7.0 | 4.0 | 6.5  | 5.5  | Đạt       |            |
| 786 | 2154040452 | Lê Thị Thanh       | Thơ   | 3.5  | 2.0 | 3.0 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |            |
| 787 | 2153023111 | Trần Nguyễn Minh   | Thơ   | 3.0  | 3.0 | 3.5 | 2.5  | 3    | Không đạt |            |
| 788 | 2154010912 | Vũ Hoàng           | Thơ   | 4.0  | 4.5 | 4.5 | 6.5  | 5    | Đạt       |            |
| 789 | 2054132061 | Lê Thị             | Thu   | 2.0  | 3.0 | 4.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |            |
| 790 | 2256010071 | Y                  | Thu   | 4.5  | 7.0 | 4.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |            |
| 791 | 2151050452 | Trần Huy           | Thừa  | 2.5  | 5.0 | 2.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 792 | 2054030564 | Nguyễn Thị Kim     | Thuận |      | 4.0 |     |      |      | Không đạt |            |
| 793 | 2151050441 | Phan Minh          | Thuận | 6.5  | 7.0 | 6.0 | 6.0  | 6.5  | Đạt       |            |
| 794 | 2154020393 | Dương Ngọc         | Thúy  | 4.5  | 5.0 | 5.0 | 5.0  | 5    | Đạt       |            |

| STT | MSSV       | Họ và tên              |        | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|------------------------|--------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 795 | 2254070030 | Nguyễn Hồ Thắm         | Thúy   | 3.5  | 4.5 | 4.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 796 | 2254062177 | Nguyễn Thị Minh        | Thúy   | 5.0  | 4.0 | 7.0 | 7.0  | 6    | Đạt       |          |
| 797 | 1954052096 | Nguyễn Thị Phương      | Thùy   | 3.5  | 2.0 | 3.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 798 | 2153020231 | Phí Thị Phương         | Thùy   | 3.0  | 5.5 | 4.0 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 799 | 2254032273 | Đặng Hà Thu            | Thủy   | 4.5  | 6.0 | 4.0 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 800 | 1954022183 | Hoàng Thị              | Thủy   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 801 | 1954072126 | Lê Đặng Thanh          | Thủy   | 4.5  | 1.5 | 3.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 802 | 2156010335 | Lê Thị Thu             | Thủy   | 7.5  | 7.0 | 8.0 | 6.0  | 7    | Đạt       |          |
| 803 | 2155013076 | Nguyễn Thị Phương      | Thủy   | 7.5  | 6.0 | 8.5 | 5.5  | 7    | Đạt       |          |
| 804 | 2154090254 | Trịnh Thị Thu          | Thủy   | 3.0  | 6.5 | 3.5 | 2.0  | 4    | Đạt       |          |
| 805 | 1856020075 | Nguyễn Thanh           | Thụy   | 2.5  | 2.0 | 3.0 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 806 | 2254012306 | Phạm Thị Lệ            | Thuyền | 3.0  | 2.5 | 4.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 807 | 2154010928 | Dương Minh             | Thư    | 5.0  | 5.0 | 6.5 | 7.5  | 6    | Đạt       |          |
| 808 | 2154110404 | Đặng Minh              | Thư    | 3.5  | 6.5 | 3.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 809 | 2154130122 | Đào Nguyễn Anh         | Thư    | 4.5  | 5.0 | 2.5 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 810 | 2154120183 | Đỗ Thị Anh             | Thư    | 4.0  | 5.0 | 4.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 811 | 2254102065 | Đỗ Trần Vy             | Thư    | 5.5  | 4.5 | 3.5 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 812 | 2154030756 | Hồ Anh                 | Thư    | 3.5  | 3.0 | 2.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 813 | 2154010930 | Hoàng Thị Minh         | Thư    | 3.5  | 2.0 | 4.5 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 814 | 2154020398 | Huỳnh Anh              | Thư    | 2.5  | 4.0 | 3.5 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 815 | 2154010936 | Lê Thị Anh             | Thư    | 2.5  | 5.5 | 3.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 816 | 2254042211 | Ngô Ngọc Gia           | Thư    | 5.5  | 4.5 | 4.0 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 817 | 2254060056 | Nguyễn Dương Uyên      | Thư    | 4.5  | 4.5 | 4.5 | 6.0  | 5    | Đạt       |          |
| 818 | 2254102066 | Nguyễn Hàn Minh        | Thư    | 5.5  | 8.0 | 5.5 | 5.0  | 6    | Đạt       |          |
| 819 | 2154050290 | Nguyễn Huỳnh Hoàng Anh | Thư    | 4.5  | 3.5 | 4.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 820 | 2253022131 | Nguyễn Minh            | Thư    | 4.5  | 4.5 | 4.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 821 | 2154010943 | Nguyễn Ngọc Anh        | Thư    | 2.0  | 3.5 | 5.0 | 5.5  | 4    | Đạt       |          |
| 822 | 2254102068 | Nguyễn Ngọc Minh       | Thư    | 3.5  | 3.0 | 4.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 823 | 2055010338 | Nguyễn Thị Minh        | Thư    | 2.5  | 4.5 | 3.5 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 824 | 2254042214 | Nguyễn Thị Minh        | Thư    |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 825 | 2154010951 | Nguyễn Vũ Minh         | Thư    | 4.5  | 2.5 | 4.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 826 | 2153020243 | Phạm Thị Minh          | Thư    | 2.5  | 5.0 | 3.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 827 | 2154090264 | Phạm Thị Minh          | Thư    | 5.0  | 8.0 | 6.5 | 3.5  | 6    | Đạt       |          |
| 828 | 2153020242 | Phạm Thị Minh          | Thư    | 3.0  | 6.0 | 4.0 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 829 | 1856022017 | Phùng Thị Anh          | Thư    | 3.0  | 4.0 | 4.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 830 | 2154080494 | Thân Ngọc Anh          | Thư    |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 831 | 2255012069 | Trần Anh               | Thư    | 4.0  | 5.0 | 3.0 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 832 | 2154070325 | Trần Minh              | Thư    | 3.5  | 4.0 | 4.5 | 3.0  | 4    | Đạt       |          |
| 833 | 2154040482 | Trần Thị Anh           | Thư    | 4.5  | 2.0 | 4.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 834 | 2154090268 | Trịnh Minh             | Thư    | 4.5  | 7.0 | 6.0 | 3.5  | 5.5  | Đạt       |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên         |        | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|-------------------|--------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 835 | 2154010960 | Võ Thanh          | Thư    | 4.0  | 6.0 | 5.5 | 6.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 836 | 2254112086 | Trần Thị Như      | Thường | 8.0  | 7.5 | 8.5 | 6.5  | 7.5  | Đạt       |          |
| 837 | 2151043150 | Lâm Hoài          | Thương | 3.0  | 4.5 | 2.5 | 2.0  | 3    | Không đạt |          |
| 838 | 2254022146 | Nguyễn Thị Hoài   | Thương | 3.5  | 5.5 | 6.5 | 3.5  | 5    | Đạt       |          |
| 839 | 2154070327 | Nguyễn Thị Hoài   | Thương | 4.0  | 2.0 | 3.5 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 840 | 2254062172 | Nguyễn Thị Thu    | Thương | 3.5  | 4.0 | 5.0 | 7.0  | 5    | Đạt       |          |
| 841 | 2254012304 | Trần Thị Thanh    | Thương | 6.5  | 7.0 | 8.5 | 6.5  | 7    | Đạt       |          |
| 842 | 2154010970 | Nguyễn Bảo        | Thy    | 4.5  | 5.5 | 6.0 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 843 | 2156010354 | Nguyễn Mai        | Thy    | 4.5  | 4.5 | 4.0 | 6.5  | 5    | Đạt       |          |
| 844 | 2054032433 | Nguyễn Ngân       | Thy    | 3.5  | 7.5 | 5.5 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 845 | 2154090288 | Ngô Thị           | Trà    | 5.5  | 5.0 | 4.5 | 1.5  | 4    | Đạt       |          |
| 846 | 2054130125 | Vũ Thị Thanh      | Trà    | 2.5  | 3.0 | 4.0 | 5.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 847 | 2254012323 | Bùi Thị Ngọc      | Trang  | 5.0  | 5.5 | 7.0 | 4.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 848 | 2254042230 | Đoàn Huỳnh Minh   | Trang  | 3.5  | 6.5 | 5.5 | 5.0  | 5    | Đạt       |          |
| 849 | 2154120193 | Huỳnh Thị Huyền   | Trang  | 4.5  | 5.0 | 6.0 | 3.5  | 5    | Đạt       |          |
| 850 | 2054040435 | Lê Thiên          | Trang  | 2.5  | 7.0 | 4.5 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 851 | 2154110438 | Lê Thùy           | Trang  | 3.0  | 3.0 | 3.0 | 5.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 852 | 2153010450 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Trang  | 4.5  | 6.5 | 5.5 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 853 | 2153023119 | Nguyễn Thị Huyền  | Trang  | 2.0  | 1.0 | 3.0 | 1.5  | 2    | Không đạt |          |
| 854 | 2154020422 | Nguyễn Thị Huyền  | Trang  | 3.0  | 2.0 | 3.0 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 855 | 2054132073 | Nguyễn Thị Minh   | Trang  | 4.0  | 5.5 | 3.5 | 7.0  | 5    | Đạt       |          |
| 856 | 2254090029 | Nguyễn Thị Thùy   | Trang  | 6.5  | 4.0 | 6.5 | 8.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 857 | 2154073016 | Nguyễn Thị Thùy   | Trang  | 5.5  | 4.0 | 4.0 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 858 | 2154011004 | Phạm Thị Thu      | Trang  | 2.5  | 5.5 | 3.5 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 859 | 2154073017 | Thái Thị          | Trang  | 2.5  | 3.0 | 3.0 | 2.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 860 | 2254060066 | Trần Ngọc Phương  | Trang  | 3.0  | 2.5 | 3.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 861 | 2154011006 | Trần Thị Thu      | Trang  | 4.0  | 5.5 | 5.5 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 862 | 2154020429 | Trương Thị Hoàng  | Trang  | 5.5  | 6.0 | 8.0 | 4.5  | 6    | Đạt       |          |
| 863 | 2254060067 | Văn Hoàng Thu     | Trang  | 5.5  | 5.5 | 7.0 | 6.5  | 6    | Đạt       |          |
| 864 | 2054062234 | Bùi Ngọc          | Trâm   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 865 | 2154050312 | Lê Thị Bảo        | Trâm   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 866 | 2055012086 | Lê Thị Ngọc       | Trâm   | 2.5  | 2.5 | 2.5 | 4.5  | 3    | Không đạt |          |
| 867 | 2254132051 | Mai Thị Lệ        | Trâm   | 2.5  | 5.0 | 4.5 | 6.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 868 | 2154070348 | Nguyễn Hoàng      | Trâm   | 4.0  | 2.0 | 3.0 | 1.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 869 | 2154020431 | Nguyễn Huỳnh Bảo  | Trâm   | 4.5  | 3.0 | 3.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 870 | 2251050073 | Nguyễn Thị Ngọc   | Trâm   | 4.0  | 7.5 | 5.5 | 7.0  | 6    | Đạt       |          |
| 871 | 1754060210 | Nguyễn Thị Ngọc   | Trâm   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 872 | 2254032286 | Phạm Thị Ngọc     | Trâm   | 4.0  | 6.0 | 4.0 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 873 | 2154103042 | Phan Ngọc         | Trâm   | 4.5  | 7.5 | 5.0 | 5.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 874 | 2154130132 | Phan Thị Bích     | Trâm   | 4.5  | 3.5 | 4.0 | 2.0  | 3.5  | Không đạt |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên          |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|--------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 875 | 2051022124 | Trần Thị Bích      | Trâm  | 2.5  | 4.0 | 4.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 876 | 2154090291 | Trịnh Thị Ngọc     | Trâm  | 3.5  | 5.0 | 5.0 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 877 | 2155013088 | Trương Thị Bích    | Trâm  | 4.5  | 2.0 | 3.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 878 | 2154103043 | Trương Thị Mỹ      | Trâm  | 4.5  | 6.0 | 6.0 | 3.0  | 5    | Đạt       |          |
| 879 | 2154040524 | Khuu Ngọc Bảo      | Trân  | 5.0  | 5.0 | 4.5 | 3.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 880 | 2153023124 | Lê Nữ Bảo          | Trân  | 3.0  | 3.5 | 4.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 881 | 2254012319 | Lê Thị Ngọc        | Trân  | 4.0  | 4.0 | 5.5 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 882 | 2054100189 | Lưu Nguyễn Ngọc    | Trân  | 5.0  | 5.0 | 8.5 | 7.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 883 | 2154100224 | Lưu Thái           | Trân  | 5.0  | 3.0 | 4.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 884 | 2154040525 | Nguyễn Ngọc Bảo    | Trân  | 3.0  | 2.5 | 4.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 885 | 2154040526 | Nguyễn Ngọc Quế    | Trân  | 2.5  | 1.0 | 4.0 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 886 | 2154070357 | Nguyễn Ngọc Quế    | Trân  | 3.0  | 2.5 | 3.0 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 887 | 1955012131 | Nguyễn Nhã         | Trân  | 3.5  | 2.0 | 3.0 | 1.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 888 | 2151043158 | Nguyễn Tuyết       | Trân  | 3.0  |     | 3.5 | 3.0  |      | Không đạt |          |
| 889 | 2154030890 | Phan Bảo           | Trân  | 4.0  | 3.5 | 4.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 890 | 2155010321 | Trần Khánh         | Trân  | 5.5  | 5.5 | 4.5 | 6.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 891 | 2154040531 | Trần Thị Bích      | Trân  | 3.5  | 3.5 | 5.0 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 892 | 2254012322 | Trình Thị Huyền    | Trân  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 893 | 1854040351 | Dương Văn Quốc     | Trí   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 894 | 2251050076 | Nguyễn Minh        | Trí   | 6.5  | 8.0 | 6.0 | 5.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 895 | 2155013092 | Phan Gia Đức       | Trí   | 7.5  | 7.0 | 9.0 | 3.5  | 7    | Đạt       |          |
| 896 | 2154133056 | Phan Ngọc          | Trí   | 4.5  | 5.5 | 4.5 | 1.5  | 4    | Đạt       |          |
| 897 | 2156010400 | Trịnh Công         | Trí   | 3.0  | 2.5 | 5.0 | 1.0  | 3    | Không đạt |          |
| 898 | 2051042136 | Trương Minh        | Trí   | 2.5  | 5.0 | 4.0 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 899 | 2151050473 | Quách Thuần Minh   | Triết | 3.5  | 5.0 | 4.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 900 | 2054032479 | Nguyễn Hải         | Triều | 2.0  | 5.0 | 4.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 901 | 2251052127 | Nguyễn Thanh       | Triều |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 902 | 2054082109 | Lê Thị Phương      | Trình | 6.0  | 7.0 | 6.5 | 7.5  | 7    | Đạt       |          |
| 903 | 2056012217 | Nguyễn Huỳnh Cát   | Trình | 1.5  | 4.5 | 3.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 904 | 2254062198 | Nguyễn Trần Phương | Trình | 6.5  | 5.0 | 7.0 | 5.0  | 6    | Đạt       |          |
| 905 | 1951052213 | Trần Ngọc Thục     | Trình | 1.5  | 4.5 | 4.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 906 | 2154011053 | Võ Thị Diễm        | Trình | 2.0  | 6.5 | 4.0 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 907 | 2254062202 | Huỳnh Cẩm          | Trúc  | 5.5  | 2.5 | 4.0 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 908 | 2153023127 | Lê Thanh           | Trúc  | 2.5  | 2.0 | 3.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 909 | 2155010337 | Nguyễn Ngọc Thanh  | Trúc  | 4.5  | 6.0 | 5.0 | 4.0  | 5    | Đạt       |          |
| 910 | 2153013207 | Nguyễn Thanh       | Trúc  | 2.5  | 1.5 | 6.0 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 911 | 2153022009 | Nguyễn Thanh       | Trúc  | 1.0  | 4.0 | 3.5 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 912 | 2154120203 | Nguyễn Thị         | Trúc  | 2.5  | 5.0 | 4.0 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 913 | 2154011067 | Nguyễn Thị Nhã     | Trúc  | 2.5  | 6.0 | 4.5 | 5.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 914 | 2056022152 | Trần Thị Hoàng     | Trúc  | 3.5  | 4.0 | 3.0 | 1.5  | 3    | Không đạt |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên          |        | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|--------------------|--------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 915 | 2053012140 | Trần Thị Thanh     | Trúc   | 3.5  | 6.0 | 2.0 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 916 | 2254012340 | Võ Hoàng Thanh     | Trúc   | 6.5  | 6.0 | 8.5 | 7.0  | 7    | Đạt       |          |
| 917 | 2154110481 | Võ Phương          | Trúc   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 918 | 1851010147 | Đoàn Công          | Trực   | 3.0  | 2.5 | 2.5 | 2.5  | 2.5  | Không đạt |          |
| 919 | 2151050498 | Nguyễn Thanh       | Trực   | 3.0  | 7.0 | 6.5 | 7.0  | 6    | Đạt       |          |
| 920 | 2251042128 | Hồ Phi             | Trung  | 1.5  | 6.0 | 4.0 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 921 | 2154053005 | Lại Anh            | Trung  | 5.0  | 5.5 | 4.0 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 922 | 2254010153 | Nguyễn Minh        | Trung  | 3.0  | 4.5 | 6.0 | 1.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 923 | 2153010487 | Nguyễn Ngọc        | Trung  | 3.0  | 6.5 | 2.5 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 924 | 2451052271 | Nguyễn Quốc        | Trung  | 8.0  | 7.0 | 8.0 | 5.0  | 7    | Đạt       |          |
| 925 | 1951022123 | Nguyễn Thế         | Trung  | 3.5  | 2.0 | 3.5 | 4.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 926 | 2154070367 | Phạm Ngọc          | Truyền | 4.5  | 2.5 | 4.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 927 | 2154030908 | Trần Thị Thanh     | Truyền | 4.0  | 5.0 | 5.0 | 5.5  | 5    | Đạt       |          |
| 928 | 1854060275 | Danh Minh          | Trường | 2.5  | 2.0 | 2.5 | 1.0  | 2    | Không đạt |          |
| 929 | 2054050257 | Huỳnh Đan          | Trường | 2.0  | 5.0 | 3.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 930 | 1851010146 | Lê Quang           | Trường | 2.5  | 2.5 | 4.0 | 3.5  | 3    | Không đạt |          |
| 931 | 2151050493 | Ngô Quang          | Trường | 3.5  | 3.5 | 5.5 | 6.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 932 | 1951052219 | Nguyễn Công        | Trường | 4.0  | 2.0 | 3.0 | 3.5  | 3    | Không đạt |          |
| 933 | 2151050494 | Nguyễn Đình Quang  | Trường | 3.0  | 3.0 | 2.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 934 | 2254012343 | Trần Nguyễn Thế    | Trường | 6.5  | 7.5 | 7.5 | 6.5  | 7    | Đạt       |          |
| 935 | 2154020475 | Đinh Nguyễn Phương | Uyên   | 2.5  | 3.5 | 3.5 | 2.0  | 3    | Không đạt |          |
| 936 | 2154020476 | Đỗ Nguyễn Phương   | Uyên   | 3.0  | 5.0 | 3.5 | 3.5  | 4    | Đạt       |          |
| 937 | 2154030944 | Đoàn Hồ Bảo        | Uyên   | 5.5  | 3.0 | 3.5 | 5.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 938 | 2156023219 | Lê Ngọc Lan        | Uyên   | 3.5  | 4.0 | 5.5 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 939 | 2153023132 | Lê Nguyễn Mỹ       | Uyên   | 5.5  | 6.0 | 7.0 | 6.0  | 6    | Đạt       |          |
| 940 | 2155010348 | Lê Trần Hoàng      | Uyên   | 7.5  | 7.0 | 8.0 | 5.5  | 7    | Đạt       |          |
| 941 | 2153023133 | Nguyễn Bình Phương | Uyên   | 2.5  | 4.0 | 4.0 | 3.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 942 | 2254012351 | Nguyễn Cẩm         | Uyên   | 5.0  | 4.5 | 4.0 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 943 | 2054040491 | Nguyễn Lê Phương   | Uyên   | 2.0  | 5.0 | 4.0 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 944 | 2254090031 | Nguyễn Thị Tố      | Uyên   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 945 | 2054022151 | Nguyễn Thị Thúy    | Uyên   | 3.0  | 6.5 | 3.5 | 6.0  | 5    | Đạt       |          |
| 946 | 1851050183 | Phan Thị Thu       | Uyên   | 1.5  | 4.0 | 5.0 | 5.0  | 4    | Đạt       |          |
| 947 | 1954022219 | Trần Hoàng         | Uyên   |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 948 | 2254012354 | Võ Thị Thu         | Uyên   | 5.0  | 4.0 | 6.5 | 6.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 949 | 2154060737 | Huỳnh Kim          | Vàng   | 3.0  | 6.5 | 3.5 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 950 | 2054100214 | Nguyễn Thị Hồng    | Vân    | 2.0  | 4.0 | 3.5 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 951 | 2354020247 | Phạm Ngọc Trúc     | Vân    | 7.5  | 8.0 | 9.0 | 8.0  | 8    | Đạt       |          |
| 952 | 2154040579 | Phạm Thu           | Vân    |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 953 | 1954022225 | Phan Thị           | Vân    |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 954 | 2151023262 | Đoàn Thị Thúy      | Vi     | 3.0  | 3.5 | 4.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |          |

| STT | MSSV       | Họ và tên          |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú  |
|-----|------------|--------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|----------|
| 955 | 2254022177 | Nguyễn Huyền Phúc  | Vi    | 5.5  | 6.0 | 7.5 | 5.5  | 6    | Đạt       |          |
| 956 | 2151050540 | Nguyễn Huỳnh Tường | Vi    | 1.0  | 3.0 | 3.0 | 3.0  | 2.5  | Không đạt |          |
| 957 | 2155013098 | Nguyễn Thị Tường   | Vi    | 6.5  | 8.0 | 9.0 | 8.0  | 8    | Đạt       |          |
| 958 | 2053010788 | Phạm Bảo           | Vi    | 1.5  | 6.5 | 4.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 959 | 2154060753 | Phan Thảo Phương   | Vi    | 4.5  | 4.5 | 3.5 | 2.5  | 4    | Đạt       |          |
| 960 | 2054122053 | Dương Nguyễn Quốc  | Việt  | 1.5  | 4.0 | 4.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 961 | 2154130156 | Phan Thanh Nam     | Việt  | 3.5  | 4.0 | 3.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 962 | 2051050565 | Võ Hoàng           | Việt  | 3.5  | 2.5 | 4.0 | 2.0  | 3    | Không đạt |          |
| 963 | 2254042267 | Nguyễn Thị         | Viên  | 4.0  | 3.5 | 4.5 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 964 | 2151043169 | Huỳnh Đặng Quang   | Vinh  | 3.5  | 6.0 | 2.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 965 | 2154133060 | Lai Chí            | Vinh  |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 966 | 2254020102 | Hồ Hoàng           | Vũ    | 5.0  | 5.0 | 8.5 | 6.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 967 | 2151043172 | Trần Quang Lâm     | Vũ    | 3.0  | 5.5 | 2.0 | 4.5  | 4    | Đạt       |          |
| 968 | 2154011137 | Nguyễn Thị         | Vui   | 4.0  | 6.5 | 6.0 | 3.0  | 5    | Đạt       |          |
| 969 | 2056022164 | Đỗ Thành           | Vương | 3.0  | 5.0 | 3.5 | 4.0  | 4    | Đạt       |          |
| 970 | 2254062217 | Phan Lê Thanh      | Vương | 7.5  | 3.5 | 9.0 | 7.5  | 7    | Đạt       |          |
| 971 | 2151020208 | Trần Thanh         | Vương |      | 3.0 |     |      |      | Không đạt |          |
| 972 | 2153023138 | Bạch Nhật          | Vy    | 5.0  | 4.5 | 5.5 | 2.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 973 | 2154080600 | Bùi Thị Thế        | Vy    | 3.5  | 7.0 | 4.0 | 3.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 974 | 2054010901 | Đỗ Hồ Minh         | Vy    | 2.0  | 5.5 | 3.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 975 | 2154120216 | Hồ Ngọc Thảo       | Vy    | 5.5  | 7.5 | 4.0 | 6.5  | 6    | Đạt       |          |
| 976 | 2154030989 | Hồ Nguyễn Khánh    | Vy    | 4.0  | 5.5 | 4.5 | 7.5  | 5.5  | Đạt       |          |
| 977 | 2154133063 | Lê Thị Tường       | Vy    | 5.0  | 6.5 | 6.0 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 978 | 2254082117 | Lưu Cẩm            | Vy    | 4.0  | 3.0 | 6.0 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 979 | 2154011153 | Ngô Tường          | Vy    | 2.5  | 5.5 | 5.0 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 980 | 2254062221 | Nguyễn Hà Yến      | Vy    | 6.5  | 6.0 | 8.0 | 6.0  | 6.5  | Đạt       |          |
| 981 | 2354110118 | Nguyễn Liêu Triệu  | Vy    |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 982 | 2056012246 | Nguyễn Thị         | Vy    | 3.5  | 4.0 | 2.0 | 2.5  | 3    | Không đạt |          |
| 983 | 2154011163 | Nguyễn Thị Tường   | Vy    | 5.0  | 7.0 | 6.5 | 6.0  | 6    | Đạt       |          |
| 984 | 2153013227 | Nguyễn Thị Thúy    | Vy    | 3.5  | 2.0 | 2.5 | 3.0  | 3    | Không đạt |          |
| 985 | 2254062222 | Nguyễn Thúy        | Vy    | 4.0  | 3.0 | 5.0 | 6.0  | 4.5  | Đạt       |          |
| 986 | 2154011168 | Phạm Hoàng Yến     | Vy    | 3.5  | 8.5 | 6.5 | 6.5  | 6.5  | Đạt       |          |
| 987 | 2154031016 | Trần Đặng Ngọc     | Vy    | 1.5  | 5.5 | 4.5 | 6.5  | 4.5  | Đạt       |          |
| 988 | 1956012188 | Trần Hồ Bích       | Vy    | 3.5  | 4.0 | 2.5 | 4.5  | 3.5  | Không đạt |          |
| 989 | 2054032558 | Trần Nguyễn Khánh  | Vy    | 3.0  | 3.5 | 4.0 | 3.0  | 3.5  | Không đạt |          |
| 990 | 2156010451 | Trần Thị Tường     | Vy    | 4.0  | 3.0 | 4.5 | 0.5  | 3    | Không đạt |          |
| 991 | 2151010454 | Hồ Lê Kỳ           | Vỹ    | 5.5  | 6.0 | 6.5 | 4.0  | 5.5  | Đạt       |          |
| 992 | 1754060244 | Huỳnh Thị Kim      | Vỹ    |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 993 | 2154060792 | Ngô Phạm           | Vỹ    |      |     |     |      |      |           | Vắng thi |
| 994 | 2054072136 | Võ Trần            | Vỹ    | 3.0  | 4.0 | 4.5 | 1.5  | 3.5  | Không đạt |          |

| STT  | MSSV       | Họ và tên           |       | Nghe | Nói | Đọc | Viết | Cộng | Năng lực  | Ghi chú    |
|------|------------|---------------------|-------|------|-----|-----|------|------|-----------|------------|
| 995  | 2155013099 | Huỳnh Thanh         | Xuân  | 7.5  | 7.5 | 7.0 | 5.0  | 7    | Đạt       |            |
| 996  | 2155013100 | Nguyễn Thị Kim      | Xuân  | 6.5  | 5.5 | 5.5 | 4.5  | 5.5  | Đạt       |            |
| 997  | 2056010378 | Thị                 | Xuân  | 2.5  | 4.0 | 2.5 | 6.5  | 4    | Đạt       |            |
| 998  | 2254082121 | Nguyễn Thị          | Xuyến | 6.0  | 8.0 | 8.5 | 6.5  | 7.5  | Đạt       |            |
| 999  | 2055010416 | Trương Kim          | Xuyến | 3.5  | 4.5 | 2.0 |      |      | Không đạt | Vi phạm QC |
| 1000 | 2053010843 | Đoàn Thị Như        | Ý     | 2.5  | 6.5 | 3.5 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 1001 | 2156023237 | Nguyễn Ngọc         | Ý     | 5.0  | 4.5 | 3.5 | 3.0  | 4    | Đạt       |            |
| 1002 | 2156013116 | Nguyễn Thị Linh Như | Ý     | 3.5  | 3.0 | 4.0 | 5.5  | 4    | Đạt       |            |
| 1003 | 2054042410 | Tăng Như            | Ý     | 2.5  | 3.5 | 3.0 | 3.5  | 3    | Không đạt |            |
| 1004 | 2154080635 | Võ Thị Như          | Ý     | 4.5  | 5.5 | 3.0 | 2.5  | 4    | Đạt       |            |
| 1005 | 2154011196 | Đinh Nguyễn Kim     | Yến   | 3.0  | 7.0 | 3.5 | 4.0  | 4.5  | Đạt       |            |
| 1006 | 2154011199 | Lê Thị Hoàng        | Yến   | 5.0  | 6.0 | 5.5 | 5.0  | 5.5  | Đạt       |            |
| 1007 | 2155013101 | Nguyễn Hải          | Yến   | 4.0  | 2.0 | 4.0 | 2.0  | 3    | Không đạt |            |
| 1008 | 2154020509 | Nguyễn Lê Thảo      | Yến   | 3.0  | 2.0 | 3.5 | 0.5  | 2.5  | Không đạt |            |
| 1009 | 2056010384 | Nguyễn Ngọc Hải     | Yến   | 3.5  | 4.0 | 3.5 | 2.5  | 3.5  | Không đạt |            |
| 1010 | 2154050366 | Trần Ngọc           | Yến   | 4.0  | 5.0 | 5.0 | 4.5  | 4.5  | Đạt       |            |
| 1011 | 2254112109 | Trang Hoàng         | Yến   | 5.0  | 5.5 | 7.5 | 6.5  | 6    | Đạt       |            |

Số Sinh viên dự thi : 934

Số Sinh viên đạt chuẩn : 570

Số Sinh viên vắng thi : 77

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

TRƯỜNG PHÒNG

(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

Lê Thị Vũ Anh

CÁN BỘ TỔNG HỢP

(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Thanh Hải